



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

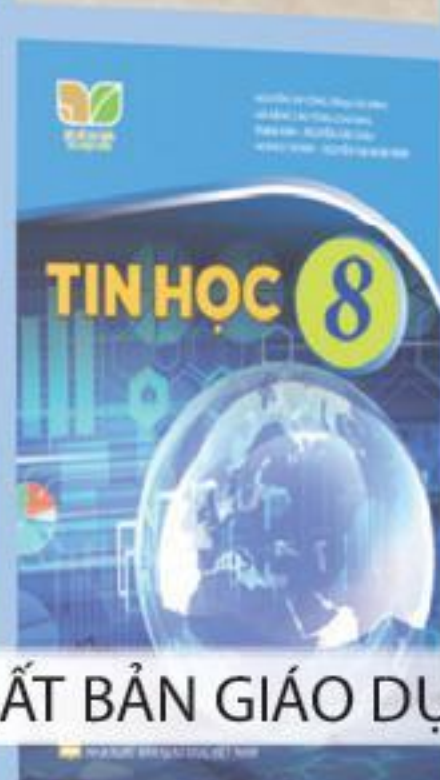
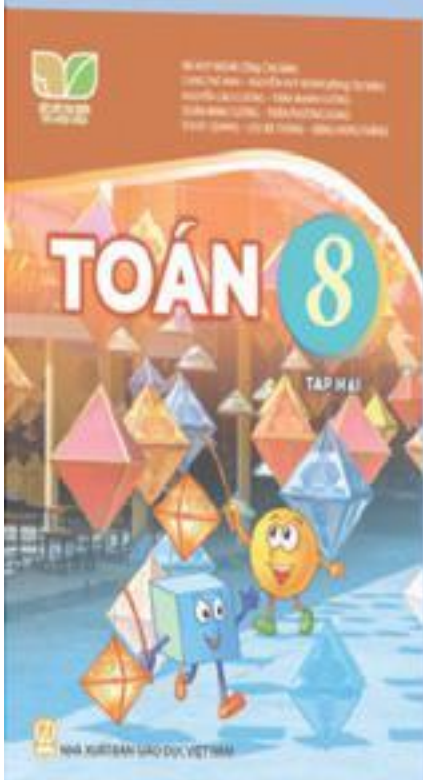
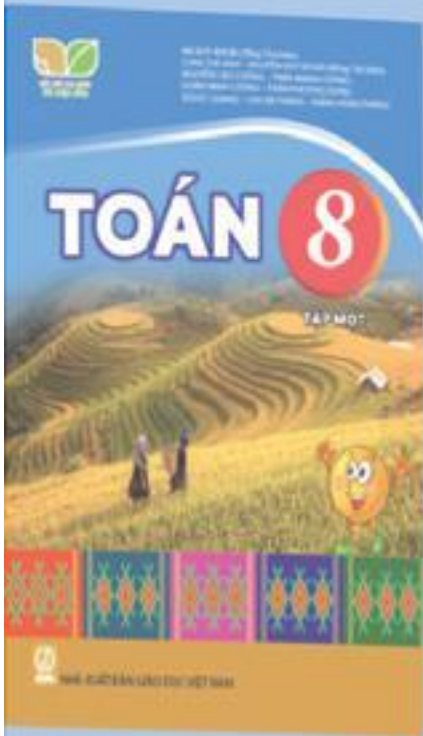
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

Sách giáo khoa lớp 8

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



GIỚI THIỆU

Sách giáo khoa lớp 8

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



MỤC LỤC

Trang

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BỘ SÁCH	3
II. HỆ THỐNG XUẤT BẢN PHẨM	5
1. Sách giáo khoa	5
2. Sách giáo viên	6
3. Sách bài tập	6
III. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8	7
Toán 8	8
Ngữ văn 8	15
Khoa học tự nhiên 8	22
Lịch sử và Địa lí 8	27
Âm nhạc 8	33
Mĩ thuật 8	40
Giáo dục công dân 8	45
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	49
Giáo dục thể chất 8	52
Tin học 8	56
Công nghệ 8	61
Tiếng Anh 8 – Global Success	65



I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BỘ SÁCH

1. Bộ sách giáo khoa (SGK) *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) đáp ứng các yêu cầu chung đối với SGK mới:

- Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông (GDPT) với trọng tâm là chuyển nền giáo dục từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.
- Bám sát các quy định về SGK mới theo Thông tư số 33/2017/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 22/12/2017 và Thông tư số 05/2022/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 19/03/2022, từ quy định về quy trình biên soạn đến quy định về các tiêu chuẩn đối với SGK mới (điều kiện tiên quyết, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, cấu trúc SGK, ngôn ngữ sử dụng và hình thức trình bày SGK).

2. Bên cạnh định hướng chung, bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống* thể hiện cách tiếp cận của SGK hiện đại, theo mô hình SGK của các nước phát triển hiện nay, nhất là Mỹ, Vương quốc Anh, Australia, Đức, Phần Lan, Hàn Quốc,... Đây là kết quả học hỏi kinh nghiệm quốc tế qua nhiều năm của nhiều Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả SGK của các cuốn sách, trong đó có nhiều người được đào tạo, tu nghiệp dài hạn tại các nước phát triển. Các lí thuyết tâm lí học và giáo dục học có ảnh hưởng sâu rộng đến việc xây dựng chương trình và tổ chức hoạt động giáo dục ở nhiều nước tiên tiến như Lí thuyết kiến tạo của Jean Piaget, Lev Vygotsky, John Dewey,...; Lí thuyết về “vùng phát triển gần nhất” của Lev Vygotsky; Lí thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế các bài học trong SGK mới của bộ sách này.

3. Tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt trong SGK các môn học và hoạt động giáo dục của bộ sách này thể hiện qua thông điệp *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Với thông điệp này, các Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả của bộ sách quan niệm: Kiến thức là nền tảng của hoạt động giáo dục, kiến thức là chất liệu quan trọng để thiết kế bài học, nhưng khác với SGK truyền thống, kiến thức phải kết nối với cuộc sống, cụ thể như sau:

Về mục tiêu: giúp người học hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực; chú trọng năng lực giải quyết những vấn đề của cuộc sống.

Về nội dung: phản ánh những vấn đề của cuộc sống; được chọn lọc, sắp xếp, khai thác phù hợp với mục tiêu.

Về phương pháp: tổ chức các hoạt động; tăng cường sự tương tác, tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học hướng đến mục tiêu cần đạt.

Tư tưởng này nhất quán với phương châm “học đi đôi với hành” vốn được đề cao lâu nay; thể hiện được tinh thần đổi mới giáo dục theo các Nghị quyết 29 của Đảng và Nghị quyết 88 của Quốc hội: thực học, thực nghiệp; phù hợp với mô hình chương trình và SGK mới: làm được gì từ những điều đã học.

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình giáo dục, có thể có quan niệm sai lầm cho rằng SGK theo mô hình phát triển năng lực không còn coi trọng vai trò của kiến thức. Vì vậy, cần nhấn mạnh: tuy đề cao mục tiêu phát triển năng lực cho người học, nhưng SGK mới không xem nhẹ vai trò của kiến thức. Điểm khác biệt quan trọng so với SGK theo mô hình truyền thống là kiến thức trong SGK không chỉ cần hiểu và ghi nhớ, mà phải là “chất liệu” quan trọng để đạt được mục tiêu của giáo dục là giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực mà các em cần có trong cuộc sống hiện tại và tương lai.

Theo cách tiếp cận đó, kiến thức được đưa vào sách bảo đảm: 1) phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trải nghiệm của người học; 2) phản ánh những vấn đề của cuộc sống, trong đó chú ý cập nhật những thành tựu của khoa học và công nghệ, phù hợp nền tảng văn hoá và thực tiễn Việt Nam; 3) giúp người học vận dụng để giải quyết những vấn đề của cuộc sống từ các cấp độ và phương diện khác nhau: cá nhân và xã hội, tinh thần (đạo đức, giá trị nhân văn) và vật chất (kĩ năng, nghề nghiệp).

Các yêu cầu này vừa liên quan đến việc lựa chọn, sắp xếp các kiến thức nói riêng và nội dung giáo dục nói chung, vừa liên quan đến phương pháp tổ chức hoạt động trên cơ sở nội dung giáo dục đã được lựa chọn. Theo đó, các nội dung giáo dục được chọn lọc theo hướng tinh giản ở mức hợp lí, được sắp xếp theo hướng tăng cường sự kết nối giữa các lớp, các cấp học trong một môn học và hoạt động giáo dục, tích hợp giữa các môn học và hoạt động giáo dục trong cùng một lớp, một cấp học. Các nội dung giáo dục phân hoá cho những đối tượng HS khác nhau cũng được chú trọng.

Đặc biệt, hỗ trợ giáo viên (GV) đổi mới hiệu quả phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục là một ưu tiên hàng đầu của bộ sách. Các bài học trong mỗi cuốn sách của tất cả các môn học và hoạt động giáo dục đều được thiết kế gồm hệ thống các hoạt động. Các hoạt động đa dạng có tác dụng kích thích tính tích cực và chủ động của người học, giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực phù hợp với đặc điểm, ưu thế của từng môn học và hoạt động giáo dục. Ngoài ra, sách còn có những gợi ý cụ thể cho việc đánh giá kết quả học tập của HS phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá của chương trình GDPT mới.

Bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống* được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực, có cơ sở lí luận vững chắc; tiếp thu những thành quả mới nhất trong biên soạn SGK của các nước phát triển, đồng thời kế thừa nhiều kinh nghiệm biên soạn SGK lâu nay tại Việt Nam; bảo đảm cho chuẩn chất lượng của SGK mới; đáp ứng được

kỳ vọng đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông của Việt Nam trong thời gian tới. Các Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả cùng với nguồn nhân lực hùng hậu và các trang thiết bị công nghệ hiện đại của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sẽ hỗ trợ các cán bộ quản lý, GV tại các địa phương và cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thành công việc dạy học theo bộ SGK này.

II HỆ THỐNG XUẤT BẢN PHẨM

Ngoài SGK, tài liệu dạy học cho mỗi môn học còn có sách giáo viên (SGV) và sách bài tập (SBT), giúp GV và HS có thêm nguồn học liệu để sử dụng linh hoạt trong thời gian quy định của chương trình quốc gia cũng như trong thời gian được mở rộng theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

1. Sách giáo khoa

Bộ SGK lớp 8 gồm 14 cuốn.



2. Sách giáo viên

Bộ SGK lớp 8 gồm 13 cuốn.



3. Sách bài tập

Bộ SBT lớp 8 gồm 14 cuốn:

1. Bài tập Toán 8, tập một
2. Bài tập Toán 8, tập hai
3. Bài tập Ngữ văn 8, tập một
4. Bài tập Ngữ văn 8, tập hai
5. Bài tập Khoa học tự nhiên 8
6. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Địa lí
7. Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Lịch sử
8. Bài tập Giáo dục công dân 8

9. Bài tập Âm nhạc 8
10. Bài tập Mĩ thuật 8
11. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8
12. Tiếng Anh 8 – Global Success sách bài tập
13. Bài tập Tin học 8
14. Bài tập Công nghệ 8

III GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

Bộ SGK lớp 8 *Kết nối tri thức với cuộc sống* thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK của Thông tư 33/2017/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 22/12/2017, Thông tư số 05/2022/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 19/03/2022 và đáp ứng đầy đủ yêu cầu ở Điều 2 (nguyên tắc lựa chọn SGK), Điều 3 (tiêu chí lựa chọn SGK) của Thông tư 25/2020/TT-BGD&ĐT, ban hành ngày 26/8/2020.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên

GS.TSKH Hà Huy Khoái



- Nguyên Viện trưởng Viện Toán học Việt Nam (2001–2007).
- Trưởng Khoa Toán – Tin, Trường Đại học Thăng Long.
- Ủy viên Hội đồng chức danh giáo sư (HĐCDGS) môn Toán từ 2001 đến nay. Chủ tịch HĐCDGS môn Toán, Ủy viên HĐCDGS Nhà nước nhiệm kỳ 2009–2014, 2014–2018.
- Tác giả nhiều tài liệu nghiên cứu, tham khảo bồi dưỡng HS giỏi toán.
- Tổng Chủ biên SGK *Toán 1, 2, 3, 6, 7, 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

Chủ biên

TS Nguyễn Huy Đoan



- Nguyên giảng viên chính Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyên Giám đốc Trung tâm Khoa học – Công nghệ Sách giáo khoa (nay là Viện Sách và Học liệu Giáo dục) thuộc NXBGDVN.
- Chủ biên và tác giả SGK theo Chương trình GDPT năm 2006.
- Tác giả nhiều sách tham khảo môn Toán phổ thông.
- Chủ biên SGK *Toán 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

Đồng Chủ biên

GS.TS Cung Thế Anh



- Công tác tại khoa Toán – Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả nhiều bài báo, công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, giáo trình.
- Tác giả của nhiều sách tham khảo của NXBGDVN.
- Chủ biên SGK *Toán 10*, tác giả SGK *Toán 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

Các tác giả

ThS Nguyễn Cao Cường

- Hiệu trưởng Trường THCS Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nhiều năm là GV dạy giỏi cấp Thành phố.
- Tác giả của nhiều sáng kiến kinh nghiệm cấp Thành phố về phương pháp dạy học, giải toán sơ cấp.
- Tác giả SGK *Toán 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

TS Trần Mạnh Cường

- Nguyên Trưởng khoa Toán – Cơ – Tin, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tác giả nhiều bài báo, công trình khoa học.
- Tác giả SGK *Toán 6, 7, 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

ThS Doãn Minh Cường

- Nguyên Hiệu trưởng trường THPT Chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Hiệu trưởng trường THCS Hanoi Academy.
- Tác giả SGK Toán theo Chương trình GDPT năm 2006.
- Tác giả nhiều sách tham khảo môn Toán phổ thông.
- Tác giả SGK *Toán 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

TS Trần Phương Dung

- Nguyên Trưởng ban biên tập sách Toán – Tin, NXBGDVN.
- Tác giả SGK Toán theo Chương trình GDPT năm 2006.
- Tác giả một số sách tham khảo môn Toán.
- Tác giả SGK *Toán 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

GS.TSKH Sĩ Đức Quang

- Công tác tại khoa Toán – Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Thành viên Viện Toán học và Ứng dụng Thăng Long.
- Tác giả nhiều bài báo, công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, giáo trình.
- Tác giả SGK *Toán 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

TS Lưu Bá Thắng

- Công tác tại khoa Toán – Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả của nhiều bài báo, công trình nghiên cứu.

- Tác giả một số sách tham khảo môn Toán.
- Chuyên gia bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THCS và THPT.
- Tác giả SGK *Toán 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

GS.TSKH Đặng Hùng Thắng

- Nguyên Trưởng khoa Toán – Cơ – Tin, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tác giả của SGK Toán THPT theo Chương trình GDPT năm 2006.
- Tác giả của nhiều sách tham khảo môn Toán của NXBGDVN.
- Chuyên gia bồi dưỡng học sinh giỏi đi thi Toán trong nước và quốc tế.
- Tác giả nhiều bài báo, công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, giáo trình.
- Chủ biên SGK *Toán 10*, tác giả SGK *Toán 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

2. HÌNH THỨC SÁCH

- Số tập: 2 tập. Số trang: tập một: 124 trang; tập hai: 140 trang. Khổ sách $19 \times 26,5$ cm.
- Sách được thiết kế bốn màu với màu sắc tươi sáng, phù hợp với lứa tuổi; hệ thống kênh chính, kênh phụ bố trí linh hoạt giúp nội dung bài học được truyền tải rõ ràng, bắt mắt.

3. NỘI DUNG

SGK *Toán 8* là một sản phẩm khoa học, tâm huyết của tập thể tác giả, được biên soạn theo hướng kết nối tri thức với cuộc sống, phát huy các ưu điểm của SGK *Toán 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*, đó là:

- Mang hơi thở cuộc sống;
- Khuyến khích và hỗ trợ GV đổi mới phương pháp dạy học và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp;
- Cấu trúc hiện đại, giúp GV giảm bớt thời gian chuẩn bị bài giảng;
- Tạo nhiều cơ hội để HS phát triển năng lực;
- Thiết kế thân thiện, giúp HS hứng thú học tập và có thể tự học với sự hướng dẫn của GV.

Từ đó làm cho các bài học trở nên gần gũi, HS hứng thú học tập, kiến thức nảy sinh và tiếp nhận một cách tự nhiên, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực HS.

3.1. Cấu trúc sách

SGK *Toán 8* gồm hai tập với 10 chương, nội dung xoay quanh ba mạch kiến thức: Đại số, Hình học (gồm Hình học phẳng và Hình học trực quan), Thống kê và Xác suất; cùng Hoạt động thực hành trải nghiệm.

	TẬP MỘT
Đại số	Chương I. Đa thức
	Chương II. Hằng đẳng thức đáng nhớ và ứng dụng
	Chương III. Tứ giác
Hình học phẳng	Chương IV. Định lí Thalès
	Chương V. Dữ liệu và biểu đồ
Thống kê	Hoạt động thực hành trải nghiệm
	TẬP HAI
Đại số	Chương VI. Phân thức đại số
	Chương VII. Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất
Xác suất	Chương VIII. Mở đầu về tính xác suất của biến cố
Hình học phẳng	Chương IX. Tam giác đồng dạng
Hình học trực quan	Chương X. Một số hình khối trong thực tiễn
	Hoạt động thực hành trải nghiệm

3.2. Cấu trúc bài học



3.2.1. Mỗi bài học có 3 phần:



- **Phần định hướng:** Liệt kê các khái niệm – thuật ngữ, kiến thức – kĩ năng mà GV và HS cần chú ý trong bài học.
- **Phần thân bài học:** Truyền tải toàn bộ nội dung bài học. Cấu trúc của phần này gồm các hoạt động trên lớp của GV và HS, tuân theo quy trình dạy học phù hợp với quá trình nhận thức của HS, đồng thời khuyến khích GV tập trung nhiều hơn cho việc sáng tạo các hình thức tổ chức dạy học.

- **Phần bài tập:** Cung cấp một số bài tập dạng cơ bản, giúp HS củng cố kiến thức và kỹ năng vận dụng trực tiếp kiến thức bài học để giải toán.

3.2.2. Phần thân bài học có cấu trúc như sau:

- **Mở đầu bài học** bằng một bài toán hay tình huống có vấn đề nhằm gợi ý cho GV tiến hành bước khởi động cho toàn bộ bài học.
- **Nội dung bài học** được chia thành các mục nội dung cung cấp từ một đến hai đơn vị kiến thức (ĐVKT). Với mỗi ĐVKT, kiến thức đến với HS theo quy trình ba bước: (i) Hình thành kiến thức; (ii) Củng cố kiến thức và xây dựng kỹ năng; (iii) Phát triển kiến thức và nâng cao kỹ năng. Với mỗi bước, các tác giả lựa chọn cách tiếp cận thích hợp thông qua các cấu phần (tương tự trong SGK *Toán 6* và *Toán 7*). Các cấu phần có chức năng thích hợp với từng bước nói trên được tóm tắt trong bảng sau, trong đó GV luôn là người tổ chức, hướng dẫn thực hiện các cấu phần đó:

Chức năng	Cấu phần (Mô tả cấu phần)	Mục đích
Hình thành kiến thức	 Tìm tòi – Khám phá Gồm những hoạt động dành cho HS.	<ul style="list-style-type: none"> • HS khám phá kiến thức thông qua các hoạt động. • Phát triển năng lực tư duy toán học.
	 Đọc hiểu – Nghe hiểu Một đoạn văn bản Toán để HS tự đọc hoặc nghe GV giảng.	<ul style="list-style-type: none"> • HS tìm hiểu kiến thức bằng cách tự đọc hoặc nghe giảng. • Phát triển năng lực giao tiếp, tự học.
Củng cố kiến thức, xây dựng kỹ năng	Ví dụ (có lời giải): Cung cấp một lời giải mẫu khi vận dụng kiến thức giải toán.	Minh họa khái niệm hay cách vận dụng kiến thức để giải toán.
	Luyện tập: Một loại bài tập củng cố kiến thức làm tại lớp.	Rèn luyện kỹ năng cơ bản gắn với đơn vị kiến thức đang học.
	Thực hành: Một loại bài tập củng cố kiến thức làm tại lớp, có sử dụng công cụ học tập.	<ul style="list-style-type: none"> • HS sử dụng công cụ học tập để thực hiện một nhiệm vụ theo hướng dẫn. • Rèn kỹ năng sử dụng công cụ học toán.

Phát triển kiến thức, nâng cao kỹ năng	Vận dụng: Một loại bài tập giải quyết vấn đề làm tại lớp.	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết một vấn đề trong toán hay trong thực tiễn. Kết nối những kiến thức đã học. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
	 Tranh luận: Nêu một tình huống để HS thảo luận tại lớp học.	<ul style="list-style-type: none"> Tạo không khí học tập trong lớp. Phát triển năng lực giao tiếp và tư duy phản biện.
	 Thử thách nhỏ: Một bài toán hay một trò chơi, đòi hỏi HS vận dụng kiến thức một cách linh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> Đào sâu kiến thức; tư duy sáng tạo. Kích thích trí tò mò và lòng yêu Toán. HS có thể thực hiện ở nhà.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

4.1. Kênh phụ hỗ trợ hiệu quả và giúp HS hứng thú học tập

Trong bài học có sự đồng hành của TRÒN, VUÔNG và anh PI làm tăng hiệu ứng tương tác, gần gũi, giúp việc học tập trở nên vui vẻ, hấp dẫn.



Các nhân vật này đảm nhiệm phân kênh phụ như:

- Nhắc lại những kiến thức có liên quan;
- Gợi ý giải một bài toán hay trả lời câu hỏi;
- Cung cấp những cách diễn đạt toán học khác nhau;
- Trao đổi những kinh nghiệm trong học Toán.

4.2. Hai con đường tiếp cận kiến thức phù hợp quy luật nhận thức

- Con đường hình thành các kiến thức mới là:

Thực tiễn → Trực quan → Trừu tượng.

- Con đường phát triển kiến thức đã học là:

Trải nghiệm → Gợi nhớ → Phát triển kiến thức.

4.3. Cấu trúc cấu phần tiếp tục được hoàn thiện và phát huy ưu điểm

- Giúp GV chuẩn bị bài dạy dễ dàng và không mất quá nhiều thời gian.
- Tạo cơ hội cho GV đổi mới và sáng tạo phương pháp dạy học.
- Góp phần cùng với GV tạo ra sự hứng thú học tập cho HS.
- Tạo nhiều cơ hội cho HS phát triển năng lực Toán học.
- Thân thiện, hỗ trợ cho HS tự học.

4.4. Tăng cường kết nối với thực tế đời sống và đảm bảo tính vừa sức

- Hệ thống bài tập được chọn lọc và sắp xếp hợp lí, vừa sức với phần lớn HS nhưng vẫn đảm bảo tính phân hoá.
- Tăng cường các bài tập ứng dụng, tích hợp với các môn học khác và gắn với nhiều chủ đề thực tiễn: môi trường, văn hoá, thể thao,...

4.5. Hỗ trợ tốt cho GV trong kiểm tra, đánh giá

- GV có nhiều cơ hội trong quá trình giảng dạy để đánh giá năng lực và kết quả học tập của HS.
- Có dành thời gian riêng cho kiểm tra, đánh giá giữa học kì và cuối mỗi học kì.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NGỮ VĂN 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên



PGS.TS Bùi Mạnh Hùng

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- Điều phối viên chính Ban Phát triển chương trình GDPT năm 2018, thành viên Ban Phát triển chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018.
- Có nhiều năm nghiên cứu về chương trình và SGK Ngữ văn tại Mỹ, Hàn Quốc và một số nước phát triển khác. Có nhiều bài nghiên cứu về đổi mới chương trình và SGK.
- Tác giả SGK Ngữ văn theo Chương trình GDPT năm 2006.
- Tổng Chủ biên SGK *Tiếng Việt & Ngữ văn – Kết nối tri thức với cuộc sống*.

Đồng Chủ biên



PGS.TS Nguyễn Thị Ngân Hoa

- Hiệu trưởng Trường TH và THCS Victoria – Thăng Long.
- Nguyên Giảng viên Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK Ngữ văn theo Chương trình GDPT năm 2006.
- Chủ biên SGK *Ngữ văn 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.



TS Đặng Lưu

- Công tác tại Viện Sư phạm Xã hội, Đại học Vinh.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 6, 7, 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

Các tác giả

PGS. TS Dương Tuấn Anh

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

PGS. TS Phan Huy Dũng

- Công tác tại Viện Sư phạm Xã hội, Đại học Vinh.
- Tác giả SGK Ngữ văn theo Chương trình GDPT 2006.
- Đồng Chủ biên SGK *Ngữ văn 7*, Chủ biên SGK *Ngữ văn 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

PGS. TS Nguyễn Thị Mai Liên

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

PGS. TS Lê Trà My

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

TS Lê Thị Minh Nguyệt

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

TS Nguyễn Thị Nường

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 6, 7, 10 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

TS Nguyễn Thị Hải Phương

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Ngữ văn 6, 7 – Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

TS Nguyễn Thị Minh Thương

- Công tác tại Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả của nhiều công trình khoa học, bài báo, sách tham khảo.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Số tập: 2 tập. Số trang: tập một 132 trang, tập hai 140 trang. Khổ sách: 19×26,5 cm. Sách in bốn màu, có hình thức thiết kế hiện đại, tiệm cận với SGK của các nước phát triển, có nhiều hình ảnh minh họa hấp dẫn đối với người đọc.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Ngữ văn 8 có cấu trúc sách tương đồng *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7* để đảm bảo tính hệ thống, nhất quán của bộ sách *Ngữ văn* cấp Trung học cơ sở theo yêu cầu cần đạt và thời lượng của môn học trong Chương trình GDPT 2018.

Hệ thống 10 bài học với tổng thời lượng 140 tiết được phân bố trong hai tập đảm bảo mạch yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học của Chương trình GDPT môn *Ngữ văn* năm 2018 (lớp 8). Các bài học được tổ chức theo cách lồng ghép, kết hợp các văn bản (VB) cùng loại, thể loại VB (VB 1, VB 2, VB thực hành đọc) với một VB khác thể loại nhưng có sự tương đồng về đề tài, chủ đề (VB 3) nhằm tạo sự kết nối chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển năng lực (đặc biệt là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học) với mục tiêu giáo dục phẩm chất, giá trị sống cho HS trong từng bài học.

Ngữ văn 8, tập một gồm 5 bài học với các VB đọc chính thuộc thể loại truyện (truyện lịch sử, truyện cười), thơ (thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật, thơ trào phúng), hài kịch và loại văn bản nghị luận xã hội.

Ngữ văn 8, tập hai gồm 4 bài học có cấu trúc tương đồng các bài học của tập một với các VB đọc chính thuộc thể loại truyện (cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến), thơ tự do, loại văn bản nghị luận văn học và văn bản thông tin. Bài 10 – bài cuối cùng của sách được biên soạn theo hình thức dự án đọc sách (tiếp nối *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*), phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe của HS trên cơ sở mạch chủ đề và loại, thể loại VB của các bài đã học với nhiều hoạt động đa dạng, linh hoạt và sáng tạo.

Cuối mỗi tập sách đều có phần ôn tập học kì giúp HS có cơ hội hệ thống hoá kiến thức và rèn luyện kĩ năng, củng cố những gì đã học. Hệ thống phiếu luyện tập trong phần ôn tập có vai trò chuẩn bị cho việc đánh giá năng lực (đọc, viết, nói và nghe) phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT môn *Ngữ văn* 2018. Các bản phụ lục (sắp xếp ở cuối sách) hỗ trợ người dùng tra cứu chính xác và hiệu quả một số thuật ngữ, từ Hán Việt, tên riêng nước ngoài khi cần thiết.

Bài 1

CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ

Đó là những câu chuyện, không phải lịch sử.
Cái mà tôi muốn biết là những câu chuyện này
xảy ra khi nào và như thế nào.
E. H. Gô-mô-ri-x (E. H. Gombric)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Lịch sử là những gì xảy ra trong quá khứ của đất nước và nhân loại. Chúng ta có thể trở về quá khứ bằng nhiều con đường khác nhau: qua những bài học môn Lịch sử trong nhà trường; qua những cuốn sử kí được viết nên bởi các nhà sử học; qua những bộ phim hoặc cuốn truyện tái hiện các sự kiện, các nhân vật lừng danh thời xa xưa... Ở các nền văn học, luôn có những câu chuyện lịch sử được kể lại trong các tác phẩm truyện.
- Hai văn bản truyện ở bài học này cho ta sống lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của cha ông thuở trước. Chúng ta sẽ được gặp những anh hùng dân tộc có lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, lập nên những chiến công lừng lẫy. Tất cả được khắc họa bằng nghệ thuật hấp dẫn của thể loại truyện lịch sử. Kết nối chủ đề của bài học là một văn bản thơ bậc lộ niềm tự hào về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc thắng lợi, thể hiện tư thế đi lên của dân tộc Việt Nam.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

Bài 6

CHÂN DUNG CUỘC SỐNG

Hãy đắm mình vào vẻ đẹp của cuộc sống.
Hãy ngắm nhìn và bay lên cùng những vì sao.
Ma-cớt Au-re-li-ô (Marcus Aurelius)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Cuộc sống của thiên nhiên và con người vô cùng phong phú, sinh động với những mối quan hệ tình tế, phức tạp, nhiều bất ngờ và bí ẩn. Điều đó đã được thể hiện trong các tác phẩm thuộc nhiều loại hình nghệ thuật: văn học, hội họa, âm nhạc, sân khấu... Trong tác phẩm văn học, bằng ngôn từ, người nghệ sĩ đã tạo nên những bức chân dung cuộc sống đa diện, nhiều sắc thái, chân thực và có sức hấp dẫn đối với người đọc.
- Đến với các tác phẩm có cốt truyện đa tuyến, đơn tuyến và một bài thơ kết nối chủ đề trong bài học này, em sẽ cảm nhận được những bức tranh đa chiều về cuộc sống mà nhà văn vẽ nên bằng ngôn ngữ nghệ thuật. Những bức tranh ấy sẽ giúp em hiểu hơn, trân trọng và tin yêu hơn vẻ đẹp của thế giới quanh ta.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tình cảnh thế của tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm của trợ từ, thân từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách.
- Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm.

3.2. Cấu trúc bài học

Các bài học trong *Ngữ văn 8* có cấu trúc đồng dạng với *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*, đồng thời, có sự phát triển về yêu cầu cần đạt và tri thức ngữ văn phù hợp với quy định của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018 dành cho lớp 8 cũng như sự phát triển năng lực, tâm lí lứa tuổi của HS.

Thời lượng của mỗi bài học là khoảng 12 – 13 tiết. Riêng bài 10 – bài học theo hình thức dự án đọc được phân bố 8 tiết (2 tuần cuối). Hệ thống yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 2018 (lớp 8) được lựa chọn, sắp xếp vào từng bài học một cách hợp lí, làm cơ sở để tổ chức các hoạt động chính của mỗi bài học: đọc, viết, nói và nghe. Các hoạt động này được thiết kế liên mạch và kết nối chặt chẽ với nhau. Mỗi bài học có ba VB đọc hiểu cùng chung chủ đề do bài học quy định, trong đó có hai VB đọc chính thuộc loại, thể loại VB được học trong bài, VB thứ ba chủ yếu kết nối về chủ đề, còn loại, thể loại thì có tính chất linh hoạt. Ngoài vai trò tạo cơ hội giúp HS tìm hiểu và so sánh các hình thức biểu đạt khác nhau khi có sự tương đồng về đề tài, chủ đề, VB 3 còn có thể bổ sung tri thức đọc hiểu cho HS, chẳng hạn ở bài 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ*, VB 1 (*Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu*, Trần Tế Xương) và VB 2 (*Lai Tân*, Hồ Chí Minh) là các tác phẩm thơ trào phúng, VB 3 thuộc loại VB thông tin (nghiên cứu văn học) cung cấp, mở rộng thêm tri thức ngữ văn quan trọng của bài học này: *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng* (Trần Thị Hoa Lê).

Từ việc đọc hiểu theo đặc trưng loại, thể loại VB, hoạt động viết được thiết kế trên cơ sở kiểu VB và nội dung gắn kết với VB đọc. HS được hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu đối với

kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước. Hoạt động nói và nghe được tổ chức trên cơ sở sản phẩm của hoạt động đọc hoặc viết. GV hướng dẫn HS thực hành để phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình, thảo luận; chú ý phát triển kỹ năng tương tác cho các em. Như vậy, SGK *Ngữ văn 8* tiếp tục được thiết kế theo hướng lấy hoạt động đọc làm cơ sở, cung cấp chất liệu, “đầu vào” cho các hoạt động viết, nói và nghe. Cuối mỗi bài có phần *Củng cố, mở rộng* để HS ôn tập kiến thức, kỹ năng đã học trong bài đó. Ngoài ra, HS còn có cơ hội thực hành đọc một VB thuộc cùng loại, thể loại với các VB đọc chính và có nội dung thuộc chủ đề của bài học.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

- a. Khác với cách sắp xếp hệ thống bài học thuần túy dựa vào loại, thể loại hoặc thuần túy dựa vào chủ đề, cách lồng ghép hệ thống chủ đề với hệ thống loại, thể loại VB của *Ngữ văn 8 – Kết nối tri thức với cuộc sống* vừa bảo đảm mục tiêu phát triển một cách hiệu quả năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS, vừa hướng tới mục tiêu giáo dục phẩm chất, giá trị sống một cách sống động, tự nhiên, phù hợp với đặc thù của môn học. Tên gọi các bài học là sự kết hợp giữa những gợi mở về chủ đề và những “chỉ dẫn” linh hoạt, sinh động về thể loại (nếu cần) để tạo nên những liên tưởng, kết nối giữa thế giới ngôn từ, hình tượng, đề tài, chủ đề của các loại, thể loại VB cần tìm hiểu với những phương diện đời sống được biểu đạt: 1. *Câu chuyện của lịch sử* (thể loại chính: truyện lịch sử); 2. *Vẻ đẹp cổ điển* (thể loại chính: thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật); 3. *Lời sông núi* (loại VB: nghị luận xã hội); 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ* (thể loại chính: thơ trào phúng); 5. *Những câu chuyện hài* (thể loại: hài kịch, truyện cười); 6. *Chân dung cuộc sống* (thể loại chính: truyện); 7. *Tin yêu và ước vọng* (thể loại chính: thơ tự do); 8. *Nhà văn và trang viết* (loại VB: nghị luận văn học); 9. *Hôm nay và ngày mai* (loại VB: thông tin); 10. *Sách – người bạn đồng hành* (dự án đọc tự chọn có định hướng về chủ đề và loại, thể loại VB theo Chương trình). Cấu trúc sách của *Ngữ văn 8* phù hợp với tâm lý tiếp nhận của HS Trung học cơ sở và tương đồng với mô hình SGK phát triển năng lực người học của các nước phát triển, hiện đại.
- b. Hệ thống ngữ liệu trong *Ngữ văn 8* được chọn lọc và sắp xếp trên cơ sở chú trọng tính tiếp nối và phát triển từ *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*, đặc biệt quan tâm đến sự thay đổi tâm lý lứa tuổi của HS cuối cấp Trung học cơ sở cũng như những yêu cầu về năng lực và phẩm chất để bước đầu chuẩn bị cho một cấp học cao hơn, chú trọng hơn nữa mục tiêu phát triển các phẩm chất công dân của HS: lòng yêu nước và ý thức trân trọng những giá trị văn hoá truyền thống; tinh thần trách nhiệm với cộng đồng; tôn trọng sự sống, sự khác biệt và đa dạng văn hoá; lòng nhân ái, vị tha,... Để thực hiện hiệu quả mục tiêu đó, hệ thống ngữ liệu trong SGK *Ngữ văn 8* được kết nối theo các chủ đề một cách linh hoạt; có sự phối hợp hài hoà giữa các VB mang tính kinh điển, truyền thống (đã được sử dụng trong SGK *Ngữ văn* thuộc nhiều giai đoạn) với các VB mới lần đầu tiên được chọn sử dụng. Trong bài 1. *Câu chuyện của lịch sử*, cùng

với *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng), *Quang Trung đại phá quân Thanh* (Ngô gia văn phái) còn có *Minh sư* (Thái Bá Lợi). Với bài 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ*, sự kết hợp của chùm VB bao gồm *Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu* (Trần Tế Xương), *Lai Tân* (Hồ Chí Minh), *Vịnh cây vông* (Nguyễn Công Trứ) cho thấy những sắc điệu phong phú của tiếng cười và phong cách thơ trào phúng. Tương tự, cùng với *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), *Chiếc lá cuối cùng* (O. Hen-ry), *Mắt sói* (Đa-ni-en Pen-nắc) tạo nên một chùm truyện đáp ứng yêu cầu so sánh giữa cốt truyện đơn tuyến và đa tuyến, đồng thời cho thấy một bức tranh đa chiều về con người và thiên nhiên như chính tên bài học 6. *Chân dung cuộc sống*. Cách phối hợp này được thể hiện nhất quán trong các bài học của *Ngữ văn 8*, bám sát mục tiêu chương trình nhưng có sự đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc trưng môn học: kết hợp giữa tư duy khoa học và tư duy nghệ thuật, giữa năng lực nhận thức và năng lực thẩm mỹ.

VĂN BẢN 1


TRƯỚC KHI ĐỌC

- Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kì thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?
- Sau cuộc thi (thể thao, nghệ thuật, giáo dục,...) thường sẽ có một buổi lễ xướng danh và trao giải. Mục đích của lễ xướng danh là gì?

ĐỌC VĂN BẢN

Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu⁽¹⁾

TRẦN TẾ XƯƠNG



Lễ xướng danh khoa thi Hương năm Đinh Dậu tại Nam Định, ngày 27/12/1897, ảnh của Phi-a-manh An-gô-rê San (Famin André Solles)

Nhà nước ta năm mở một khoa⁽²⁾,
 Trường Nam thi lẫn với trường Hải⁽³⁾.
 Lối thời sĩ tử vai đeo lọ⁽⁴⁾,
 Âm oẹ quan trường miệng thét loa.

Theo dõi
 Các chi tiết miêu tả con người và khung cảnh lễ xướng danh.

(1) Khoa Đinh Dậu: ở đây chỉ khoa thi Hương năm 1897 tại Nam Định. Bài thơ còn có tên khác là *Vịnh khoa thi Hương*.
 (2) Thời nhà Nguyễn, cứ ba năm triều đình mở một khoa thi Hương ở một số địa phương do nhà nước chỉ định.
 (3) Từ năm 1831, người Bắc có hai trường thi ở Nam Định và Hà Nội. Từ năm 1866, hai trường này gộp lại thi chung tại Nam Định, lấy tên là trường Hà Nam.
 (4) Lọ: lọ đựng bút lông.

82

ĐỌC VĂN BẢN

Mắt sói⁽¹⁾

Trích: ĐA-NI-EN PEN-NẮC

Chương 2. Mắt sói

(1)

Một con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con người màu đen. Một con mắt không chớp bao giờ. Hệt như cậu bé đang nhìn một ngọn đèn trong đêm; cậu chẳng thấy gì ngoài con mắt này; cây cối, vườn thú, khu chuồng, mọi thứ đã biến mất. Chỉ còn lại một điều duy nhất: mắt sói. Con mắt càng lúc như càng to hơn, tròn hơn, như một tuần trăng úa trên bầu trời trông trái, và chính giữa, một con người như càng đen hơn, và trong quang vàng nâu quanh con người, người ta thấy xuất hiện những điểm màu khác nhau, chỗ này là màu lam (xanh như nước đóng băng dưới bầu trời), chỗ kia là một tia ánh vàng, lấp lánh như trang kim⁽²⁾.

Nhưng điểm quan trọng nhất chính là con người. Con người màu đen!

- Mi đã muốn nhìn ta thì nhìn đi!

Đường như con người muốn nói. Nó loé lên một tia sáng khủng khiếp. Hệt một ngọn lửa. "Dừng rồi, cậu bé nghé: ngọn hắc hoa⁽³⁾!"

Hình dung
 Cảm nhận của cậu bé Phi Châu về mắt sói.

Theo dõi
 Trong con mắt của sói, gia đình sói hiện ra như thế nào?

(1) Mắt sói là tiêu thuyết ngắn gồm bốn chương. Chương 1 kể về cuộc gặp gỡ kì lạ giữa cậu bé tên là Phi Châu và Sô Lam ở vườn bách thú. Sô Lam chỉ còn một mắt. Con mắt kia của nó đã bị mất trong một cuộc gao tranh với con người. Con sói và cậu bé nhìn nhau bằng một mắt trong khu vườn thú vắng vẻ và yên lặng. Chương 2 là mạch truyện về nhân vật Sô Lam. Cậu bé Phi Châu nhìn sâu vào mắt Sô Lam và câu chuyện của gia đình nhà sói đã hiện lên trong cơn mê mẩn. Câu chuyện được kể ở ngôi thứ ba nhưng có lúc được chuyển sang ngôi thứ nhất qua lời của nhân vật Sô Lam. Sô Lam kể về những cuộc trốn chạy các toán đi săn của gia đình nhà sói: Bắc Cực xa xôi, lạnh giá. Chương 3 chuyển sang mạch truyện về nhân vật Phi Châu. Sô Lam nhìn sâu vào mắt Phi Châu và câu chuyện của cậu bé đã hiện ra với hình ảnh mơ hồ nhòe nhòe nhân bản nhập chầu Phi. Sự vụ ta: nạn xạ buýt, cậu bé đã được mẹ Bê, chú Bê cứu sống, chăm sóc và sống cùng họ ở Châu Phi Xanh. Cây cối ở Châu Phi Xanh bị con người tàn phá ngày càng nhiều và dần dần nghiêm trọng đã xảy ra. Vì thế, gia đình Phi Châu phải rời bỏ vùng đất này đến "Thế Giới Khô". Chương 4 kể về việc gia đình Phi Châu chuyển đến thành phố và chú Bê được làm việc trong sở thú ở vườn thú. Phi Châu đã được gặp là những người bạn thân thiết của mình, trong đó có bác đã Hạng Xê, Bê... Mẹ Bê rất ngạc nhiên vì: tháng này một con mắt của Phi Châu đã nhắm lại. Con mắt của sói đã hình từ lâu, song nó nghỉ trong các vườn bách thú buồn thui này, chỉ còn nhìn bằng một mắt là quá đủ. Nhưng bây giờ Sô đã có Phi Châu làm bạn. Sô nhìn ra thế giới xung quanh với những người bạn và các loài cây trên ngập ổ ổ. Nó nghĩ hình ảnh tươi đẹp này đồng nhìn bằng hai mắt. Vì thế, "nháy một cái", mi mắt của sói mở ra và "nháy một cái", mi mắt của cậu bé mở ra.
 (2) Trang kim: phủ lên bề mặt đồ vật nào đó (chì, giấy, vải,...) một lớp kim loại mỏng.
 (3) Hắc hoa: ngọn lửa màu đen.

6

c. Tiếp nối và phát triển từ *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*, SGK *Ngữ văn 8* thiết kế bài học theo mô hình hoạt động, dựa trên các hoạt động giao tiếp cơ bản là đọc, viết, nói và nghe. Sách trình bày tường minh các chiến lược đọc hiểu VB phù hợp với đặc trưng loại, thể loại VB. HS được rèn luyện kĩ năng theo dõi, tưởng tượng, dự đoán, suy luận,... trong quá trình đọc. Qua các câu hỏi sau khi đọc, HS không chỉ thể hiện khả năng đọc hiểu một VB cụ thể mà còn nắm được "mã thể loại" để nắm được cách đọc các VB khác thuộc cùng loại, thể loại.

Trong hoạt động viết, SGK *Ngữ văn 8* hướng dẫn HS thực hành theo một quy trình chi tiết. Các kĩ năng cần thiết khác, đặc biệt là các kĩ năng tương tác trong hoạt động nói và nghe cũng được hướng dẫn một cách hệ thống. Tuy nhiên, một số nội dung theo quy trình quen thuộc đã hình thành và ổn định từ phần *Viết của Ngữ văn 6, Ngữ văn 7* được tinh lược để tập trung vào những hướng dẫn chi tiết, cụ thể, phù hợp với đặc trưng của các kiểu bài mới ở lớp 8. Các kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học được cài đặt vào bài học dựa trên yêu cầu phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của HS. Cấu trúc bài học như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho GV đổi mới phương pháp dạy học thông qua tổ chức các hoạt động thực hành đọc, viết, nói và nghe ở trên lớp.

SGK *Ngữ văn 8* cũng hỗ trợ GV đổi mới kiểm tra, đánh giá. Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá cùng với đổi mới phương pháp dạy học trong *Ngữ văn 8* được thể hiện ngay trong cấu trúc bài học: tường minh hoá các hoạt động; sắp xếp hệ thống câu hỏi sau đọc theo thang đánh giá năng lực; quy trình hoá các hoạt động viết, nói và nghe; chú trọng luyện tập, thực hành thông qua các phiếu luyện tập ở phần ôn tập.

Viết

Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)

Mỗi tác phẩm văn học là một thể giới nghệ thuật sống động, thu hút sự khám phá, giải mã của người đọc. Việc phân tích tác phẩm giúp ta hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ và những thông điệp mà tác giả gửi gắm. Trong bài 6: *Chấn động cuộc sống*, em đã được hướng dẫn cách viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Phần *Viết* của bài học này sẽ tiếp tục hướng dẫn em cách viết kiểu bài trên để củng cố và nâng cao kiến thức, kĩ năng đã học.

Yêu cầu:

- Giới thiệu tác phẩm truyện (nhân vật, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.
- Nếu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.
- Nếu được chủ đề của tác phẩm.
- Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm.
- Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

Phân tích bài viết tham khảo

Bức tranh của em gái tôi – lời tự thú chân thành

Ta Duy Anh là nhà văn từng viết những tác phẩm đề cập tới nhiều vấn đề xã hội mang tính thời sự gai góc như *Bước qua lời nguyện, Lão Khó, Thiên thần sám hối...* Đồng thời, ông cũng là cây bút đã dành cho thiếu nhi những truyện ngắn thật dễ thương. Ở loạt truyện viết cho thiếu nhi của ông, ta bắt gặp một kiểu viết giản dị, gọn gàng và đầy trau chuốt. Đường như trong mắt Ta Duy Anh, tuổi thơ là khoảng thời gian đẹp đẽ, trong trẻo nhất của mỗi người. Có thể thấy rõ điều này qua truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi*.

Truyện kể về Kiều Phương, em gái của "tôi". Kiều Phương là một cô bé có tài hội họa thiên bẩm. Tài năng của em được phát hiện khi một họa sĩ là bạn của bố đến chơi. Biết em gái có năng khiếu, "tôi" cảm thấy ghen tị và mặc cảm. Nhờ chú họa sĩ giới thiệu, Kiều Phương tham dự cuộc thi vẽ tranh quốc tế và đoạt giải Nhất. Lúc này, "tôi" mới biết: Em gái giành giải Nhất

77

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Với bài viết phân tích tác phẩm truyện, cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Nếu chưa giới thiệu được tác giả, tác phẩm hoặc chưa nêu được ý kiến khái quát về tác phẩm thì bổ sung.
- Nếu chưa nêu được hoặc nêu chưa rõ, chưa chính xác nội dung chính và chủ đề của truyện thì bổ sung, chỉnh sửa.
- Đọc lại những đoạn văn chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, gạch dưới các câu thể hiện ý chính của đoạn. Nếu có yếu tố nghệ thuật cần được làm nổi bật hơn nữa thì tập trung phân tích sâu yếu tố đó để không rơi vào tình trạng phân tích dàn trải.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay)

Từ xưa đến nay, văn học luôn song hành, gắn bó mật thiết với con người và đời sống xã hội. Tuy nhiên, ở mỗi thời kì và ở mỗi người, cách nhìn nhận, suy nghĩ về vai trò của văn học lại có những điểm khác biệt. Hiện nay, nhiều người quan niệm văn học vẫn có vai trò quan trọng trong đời sống, nhưng cũng có không ít ý kiến cho rằng, giá trị của văn học đã bị giảm đi trước sự cạnh tranh của các phương tiện nghe nhìn. Hãy trình bày ý kiến của em về vấn đề này.

1 TRƯỚC KHI NÓI

- Xác định nội dung nói: văn học trong đời sống hiện nay.
- Thu thập tư liệu và tìm ý:
- Tìm kiếm các tư liệu về vai trò, vị trí của văn học; cơ hội và thách thức của văn học trong đời sống hiện nay.
- Tập trung suy nghĩ về một số vấn đề và đặt ra các câu hỏi để tìm ý như: *Văn học có còn quan trọng trong đời sống hiện nay không? Trước sự phổ biến của các phương tiện nghe nhìn, văn học có gặp phải thách thức gì không? Văn học đem đến cho người đọc nhận thức gì về đời sống, xã hội, con người? Văn học khiến con người có thái độ ra sao trước cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu? Vì sao có thể nói văn học có khả năng đánh thức những rung cảm trước cái đẹp của con người?...*
- Xây dựng dàn ý bài nói: xác định các luận điểm, sử dụng các lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ vấn đề.
- Dự kiến các ý kiến phản biện của người nghe để chuẩn bị trao đổi, đối thoại.

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của em về vai trò của văn học trong đời sống hiện nay.

Người nghe

Những người yêu thích văn học, có nhu cầu tìm hiểu vai trò của văn học trong đời sống.

81

d. Hệ thống đề mục được trình bày tường minh, thiết kế đẹp mắt. Các thẻ và phần đóng khung (box) được phân bố hài hoà, dễ nhận diện, phù hợp với nội dung của từng loại hoạt động. Tranh ảnh minh hoạ được chọn lọc kĩ, bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, hỗ trợ tốt cho việc tiếp nhận bài học bằng cả kênh chữ lẫn kênh hình.

KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên

GS.TS Vũ Văn Hùng



- Giảng viên cao cấp – Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chủ nhiệm nhiều đề tài khoa học về lí thuyết biên soạn SGK.
- Tổng Chủ biên SGK: môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3; môn Khoa học lớp 4; môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7; Tổng Chủ biên SGK và Chuyên đề học tập môn Vật lí lớp 10, 11 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học, sách chuyên khảo chuyên ngành Vật lí.

Đồng Chủ biên

PGS.TS Mai Văn Hưng



- Chủ nhiệm bộ môn Khoa học tự nhiên, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Giảng viên cao cấp – Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chủ biên, tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 7 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều giáo trình đại học, sách chuyên khảo chuyên ngành Sinh học, sách Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên (VNEN).

PGS.TS Lê Kim Long



- Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chủ biên, tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7 ; Tổng Chủ biên SGK và Chuyên đề học tập môn Hoá học lớp 10, 11 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học, sách chuyên khảo, sách tham khảo cho HS phổ thông môn Hoá học.



PGS.TS Vũ Trọng Rỹ

- Nguyên Trưởng phòng Quản lý khoa học, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Chuyên gia cao cấp về Phương pháp dạy học vật lí và Giáo dục học.
- Chủ biên, tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả SGK môn Vật lí lớp 8; tác giả sách tham khảo cho học sinh phổ thông môn Vật lí (Chương trình GDPT 2006, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).

Các tác giả

PGS.TS Nguyễn Văn Biên

- Giảng viên cao cấp – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển nghiệp vụ sư phạm.
- Chủ nhiệm và tham gia các đề tài khoa học về lí thuyết biên soạn SGK, dạy học phát triển năng lực.
- Chủ biên, tác giả SGK môn Vật lí lớp 11 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học, sách chuyên khảo, sách tham khảo chuyên ngành Vật lí.

TS Nguyễn Hữu Chung

- Giảng viên chính – Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6 và Chuyên đề học tập môn Hoá học lớp 11 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học chuyên ngành Hoá học.

PGS.TS Nguyễn Thu Hà

- Giảng viên chính – Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6 và môn Hoá học lớp 10 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học, sách chuyên khảo, sách tham khảo chuyên ngành Hoá học.

TS Lê Trọng Huyền

- Giảng viên chính – Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6 và môn Hoá học lớp 10 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học, sách chuyên khảo, sách tham khảo chuyên ngành Hoá học.

PGS.TS Nguyễn Thế Hưng

- Giảng viên cao cấp – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường.
- Tác giả và Chủ biên nhiều bài báo khoa học, giáo trình đại học, sách chuyên khảo, sách tham khảo cho học sinh phổ thông chuyên ngành Sinh học.

PGS.TS Nguyễn Xuân Thành

- Trưởng khoa Sinh – Kỹ thuật nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Giảng viên cao cấp – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Tác giả nhiều giáo trình đại học, sách tham khảo cho học sinh phổ thông môn Sinh học.

Nhà giáo Bùi Gia Thịnh

- Nguyên cán bộ Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Chuyên gia cao cấp về Phương pháp dạy học Vật lí và Giáo dục học.
- Chủ biên và tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6, 7; tác giả SGK môn Vật lí lớp 10, 11 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Chủ biên và tác giả SGK (Chương trình GDPT 2006).
- Tác giả nhiều sách tham khảo cho học sinh phổ thông môn Vật lí.

TS Nguyễn Thị Thuần

- Giảng viên chính – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Tác giả nhiều sách tham khảo cho học sinh phổ thông môn Vật lí.

ThS Mai Thị Tình

- Giáo viên – Trường Trung học phổ thông Hà Nội – Amsterdam.
- Tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều sách tham khảo cho học sinh phổ thông môn Sinh học.

ThS Vũ Thị Minh Tuyền

- Nguyên trưởng khoa Khoa học tự nhiên - Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây; Giáo viên Trường THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội.
- Tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 7 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều sách tham khảo cho học sinh phổ thông môn Vật lí.

PGS.TS Nguyễn Văn Vịnh

- Giảng viên cao cấp – Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tác giả SGK môn Khoa học tự nhiên lớp 6 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều cuốn sách trong lĩnh vực Sinh học.

2. HÌNH THỨC SÁCH

- Số trang: 196 trang; Khổ sách: 19×26,5 cm.
- Cuốn sách được thiết kế bốn màu, hình ảnh đẹp mắt, sinh động, kết hợp hài hoà kênh chữ và kênh hình. Bài học trình bày trong các trang sách mở giúp HS thuận lợi tìm kiếm thông tin và bao quát nội dung bài học.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Cuốn SGK *Khoa học tự nhiên 8* gồm 8 chương. Bài Mở đầu giới thiệu về việc sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm. Các chương còn lại được phân theo mạch nội dung quy định trong Chương trình GDPT môn Khoa học tự nhiên, tập hợp theo bốn chủ đề là: Chất và sự biến đổi chất (chương I, II); Năng lượng và sự biến đổi (chương III, IV, V, VI); Vật sống (Chương VII, VIII); Trái Đất và bầu trời (Chương VIII).

3.2. Cấu trúc bài học

Các bài học được thiết kế thống nhất, mỗi hoạt động học tập được chỉ dẫn bằng kí hiệu biểu trưng cho phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

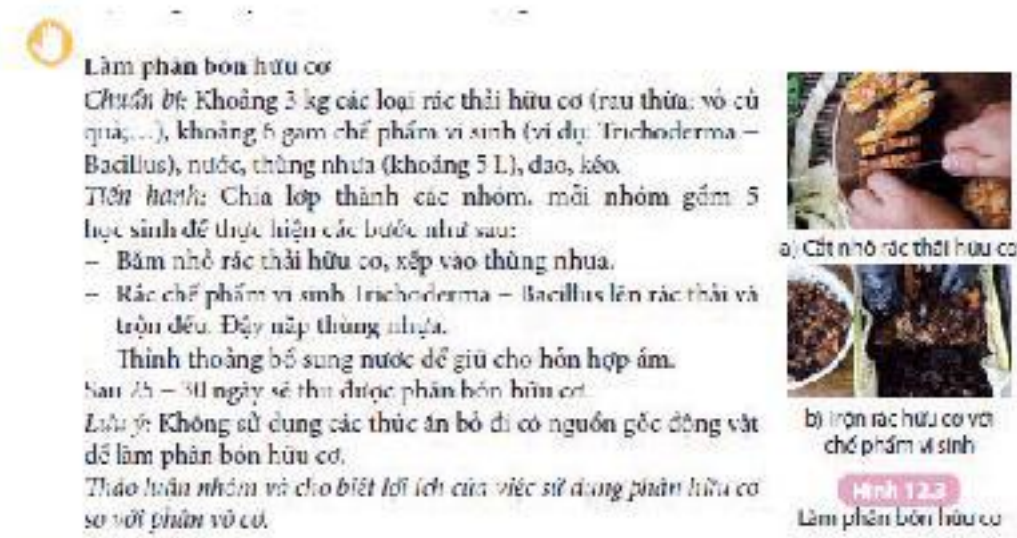
- Nội dung của SGK *Khoa học tự nhiên 8* được lựa chọn theo hướng tinh giản phù hợp với HS phổ thông, có sự tích hợp và kết nối giữa các chủ đề khoa học là Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời; các nguyên lí, khái niệm chung về thế giới tự nhiên: sự đa dạng, tính cấu trúc, tính hệ thống, sự vận động và biến đổi, sự tương tác (Hình 1).



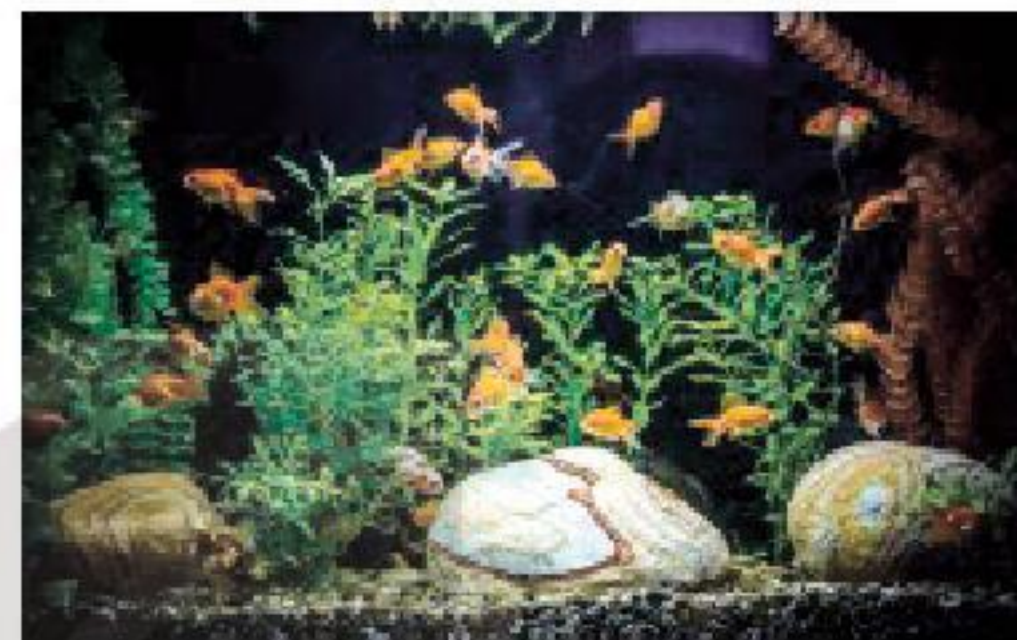
Hình 16.9 Cấu tạo tai và quá trình thu nhận âm thanh của tai

Hình 1: Trong quá trình nghiên cứu một số ảnh hưởng và ứng dụng của áp suất không khí đã kết hợp với các kiến thức giải phẫu sinh lí của tai để giải thích hiện tượng ù tai lúc ngồi trên máy bay.

- Các kiến thức trong sách được trình bày gọn, giảm tính hàn lâm, gắn với thực tế cuộc sống, giúp cho HS dễ vận dụng vào đời sống và nhận thấy rằng khoa học là hữu ích.
- Ngoài ra cuốn sách còn có sự tích hợp, lồng ghép với một số nội dung giáo dục như: giáo dục kĩ thuật, giáo dục sức khoẻ, giáo dục bảo vệ môi trường, phát triển bền vững (Hình 2).
- SGK *Khoa học tự nhiên 8* tạo cơ hội cho HS tự học thông qua các nhiệm vụ học tập (thu thập, khai thác thông tin, làm thí nghiệm, nhận xét, phân tích, tổng hợp, đánh giá,...) chủ động tạo ra các sản phẩm học tập ở các hình thức khác nhau. Từ đó, HS hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù của bộ môn.
- Thông qua các hoạt động học tập và nghiên cứu theo nhóm, HS biết cách làm việc cá nhân trên tinh thần phân công và hợp tác, hình thành kĩ năng trình bày, bảo vệ ý kiến cá nhân và tổng hợp kết quả làm việc nhóm.



Hình 2: Vận dụng kiến thức về phản ứng hoá học để chế biến rác thải trong gia đình thành phân bón hữu cơ dùng để trồng rau, cây cảnh, ...



Một khu rừng hay bể cá cảnh trong hình bên đều được xem là một hệ sinh thái. Vậy, hệ sinh thái là gì?

Hình 3: Khởi đầu mỗi bài học trong sách đều có phần khởi động nhằm khơi gợi trí tò mò, khả năng sáng tạo trong việc tìm cách giải quyết vấn đề của HS.

- Thiết kế, trình bày sách hấp dẫn nhằm kích thích sự ham học, trí tò mò và tư duy sáng tạo của HS. Nhờ đó, việc học sẽ trở thành một hành trình khám phá thú vị (Hình 3).
- Các hoạt động học tập trong SGK mang tính mở giúp GV sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với từng đối tượng HS, với điều kiện cơ sở vật chất của trường lớp, đồng thời tạo điều kiện cho GV đa dạng các hình thức đánh giá: đánh giá quá trình, đánh giá thường xuyên và định kì.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

* PHẦN LỊCH SỬ

Tổng Chủ biên xuyên suốt



GS.TSKH – Nhà giáo Nhân dân Vũ Minh Giang

- Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tổng Chủ biên xuyên suốt SGK *Lịch sử và Địa lí* (phần Lịch sử) 4, 6, 7; Tổng Chủ biên xuyên suốt SGK *Lịch sử 10, 11* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Chủ biên, tác giả nhiều sách chuyên khảo về Lịch sử, Văn hoá.

Tổng Chủ biên cấp THCS

PGS.TS Nghiêm Đình Vỳ



- Chủ tịch Hội Giáo dục Lịch sử – Hội khoa học Lịch sử Việt Nam.
- Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyên Phó Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương.
- Thành viên Ban Phát triển Chương trình GDPT 2018 môn Lịch sử.
- Chủ biên, tác giả SGK Lịch sử (Chương trình GDPT 2006).
- Tổng Chủ biên cấp Tiểu học SGK *Lịch sử và Địa lí 4* (phần Lịch sử), Tổng Chủ biên cấp THCS SGK *Lịch sử và Địa lí 6, 7* (phần Lịch sử) (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Tác giả nhiều sách và tài liệu chuyên khảo về Lịch sử.

Chủ biên kiêm tác giả

PGS. TS Trịnh Đình Tùng



- Nguyên Chủ nhiệm bộ môn Phương pháp dạy học Lịch sử, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK Lịch sử (Chương trình GDPT 2006).
- Tác giả nhiều sách và tài liệu chuyên khảo về Lịch sử và phương pháp dạy học Lịch sử.

Các tác giả

GS. TS Nguyễn Ngọc Cơ

- Nguyên cán bộ quản lý cấp khoa và giảng dạy Đại học Đại cương – Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Lịch sử – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả nhiều sách và tài liệu chuyên khảo về Lịch sử.

PGS. TS Đào Tuấn Thành

- Tác giả SGK Lịch sử (Chương trình GDPT 2006).
- Nguyên Trưởng khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Lịch sử và Địa lí 8* (phần Lịch sử), SGK *Lịch sử 11* (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).
- Chủ biên, tác giả nhiều sách và tài liệu chuyên khảo về Lịch sử thế giới, Văn hoá.

TS Hoàng Thanh Tú

- Phó Chủ nhiệm Khoa Sư phạm – Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Cố vấn chuyên môn Trường THCS Pascal.

* PHẦN ĐỊA LÍ

Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên

PGS.TS Đào Ngọc Hùng



- Trưởng bộ môn Địa lí tự nhiên – Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả nhiều sách tham khảo và chuyên khảo về Địa lí, Môi trường.
- Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, tác giả SGK *Lịch sử và Địa lí 6* (phần Địa lí) (*Kết nối tri thức với cuộc sống*); Tổng Chủ biên SGK phần *Lịch sử và Địa lí 7* (phần Địa lí) (*Kết nối tri thức với cuộc sống*); Tác giả *Chuyên đề học tập Địa lí 10* (*Kết nối tri thức với cuộc sống*).

Các tác giả

ThS Bùi Thị Thanh Dung

- Giảng viên khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả nhiều tài liệu giáo dục và chuyên khảo về Địa lí.

ThS Phạm Thị Thu Phương

- Nguyên trưởng phòng bộ môn Địa lí, nghiên cứu viên chính Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Tác giả SGK (Chương trình GDPT 2006) và nhiều STK phổ thông môn Địa lí.
- Thành viên Hội đồng thẩm định Chương trình GDPT 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học và THCS.

- Tác giả SGK *Lịch sử và Địa lí 7 (phần Địa lí) (Kết nối tri thức với cuộc sống)*.

CN Phí Công Việt

- Nguyên Trưởng ban Sử – Địa, NXBGDVN.
- Tác giả nhiều cuốn SGK (Chương trình GDPT 2006) và nhiều STK phổ thông môn Địa lí.
- Tác giả SGK *Lịch sử và Địa lí 6 (Phần Địa lí)*, SGK *Lịch sử và Địa lí 7 (Phần Địa lí) (Kết nối tri thức với cuộc sống)*.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Số trang: 176 trang. Khổ sách 19×26,5 cm.

Sách in bốn màu.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Ngoài Lời nói đầu, Hướng dẫn sử dụng sách, Bảng tra cứu thuật ngữ, Bảng phiên âm tên riêng và địa danh nước ngoài, sách gồm ba phần: Phần Lịch sử có 7 chương, phần Địa lí có 4 chương và 2 Chủ đề chung.

- Phần Lịch sử tìm hiểu về: *Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII; Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX; Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII; Châu Âu và nước Mỹ từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX; Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX; Châu Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX; Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.*
- Phần Địa lí tìm hiểu về: *Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Đặc điểm địa hình, khoáng sản, khí hậu, thủy văn, sinh vật và thổ nhưỡng Việt Nam; Biển đảo Việt Nam.*
- Chủ đề chung tìm hiểu về: *Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

3.2. Cấu trúc chương và bài học

Mở đầu: là những tình huống, câu hỏi, hình ảnh,... có tính gợi mở, tạo hứng thú và dẫn dắt học sinh tiếp cận nội dung bài học mới.

Hình thành kiến thức mới: kênh chữ, kênh hình (hình ảnh, tranh vẽ, sơ đồ, bản đồ, lược đồ,...), các nhiệm vụ học tập, thông tin tham khảo (Em có biết, Kết nối,...) thông qua các hoạt động học tập giúp HS hình thành kiến thức, rút ra những nhận định khoa học về vấn đề Lịch sử và Địa lí.

Luyện tập: gồm các câu hỏi, các hoạt động được tiến hành ngay tại lớp nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn luyện những kĩ năng vừa được hình thành trong bài học.

Vận dụng: gồm các câu hỏi, các hoạt động được tiến hành sau giờ học nhằm gắn kiến thức vừa học với thực tế, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, gắn với địa phương.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mục tiêu bài học:
Những yêu cầu học sinh cần đạt được sau khi học xong bài học.

Mở đầu:
Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết; nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.

Hình thành kiến thức mới:
Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ, hệ thống câu hỏi) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, khám phá kiến thức mới.


Tuyên phụ:
Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung chính.

Tư liệu:
Được trích dẫn từ các nguồn tư liệu khác nhau là cơ sở để tổ chức các hoạt động tự nhận thức bài học cho học sinh.

Nhiệm vụ học tập:
Định hướng hoạt động học tập đáp ứng yêu cầu cần đạt.

Luyện tập:
Là các câu hỏi, bài tập để thực hành, củng cố, hệ thống hoá, khắc sâu kiến thức ở hoạt động hình thành kiến thức mới.

Vận dụng:
Sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.



4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của Chương trình, nội dung thông tin được cung cấp rất ngắn gọn, cơ bản, phần còn lại là cung cấp tư liệu, lược đồ, tranh ảnh, sơ đồ,... Sau mỗi mục là các các câu hỏi/bài tập mà dựa vào đó GV có thể tổ chức các hoạt động tự nhận thức cho HS. Trên cơ sở đó, các em sẽ chủ động hơn trong việc tự rút ra kiến thức, tự thực hành và vận dụng kiến thức hoặc liên hệ với cuộc sống, chứ không chỉ học thuộc hoặc bị động lĩnh hội những kiến thức có tính bắt buộc từ SGK hay GV cung cấp như trước đây. Nhờ đó, góp phần hình thành và phát triển năng lực độc lập tìm hiểu tri thức và năng lực nhận thức khoa học ở HS.

- Phần Lịch sử:
 - Khi biên soạn về một sự kiện, tiến trình lịch sử, các tác giả không chú trọng trình bày về diễn biến với những mốc thời gian chi tiết, mà nếu có thì được thiết kế rất ngắn gọn, dễ hiểu, sinh động dưới dạng đồ hoạ. Các mốc thời gian thể hiện tiến trình lịch sử chủ yếu được thể hiện trên trục thời gian, gắn với hình ảnh tiêu biểu, dễ ghi nhớ (nếu có).
 - Trong tuyến chính, bên cạnh những nội dung có tính giới thiệu, dẫn dắt, khái quát là những tư liệu được trích dẫn từ các tư liệu gốc, tư liệu phái sinh hoặc tư liệu được cung cấp bởi tác giả viết SGK; các yêu cầu, câu hỏi khai thác tư liệu,... là cơ sở để tổ chức các hoạt động tự nhận thức bài học cho HS.

- Phần Chủ đề chung:
 - Là một điểm mới, nổi bật trong Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí, được bắt đầu từ lớp 7 và tiếp nối ở lớp 8 với hai chủ đề: *Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông*. Việc xây dựng chủ đề chung, tích hợp lịch sử – địa lí dựa trên những nội dung gần nhau, giao nhau, tạo ra không gian môn học, ở đó HS có thể vận dụng các khái niệm cơ bản của lịch sử và địa lí, tìm hiểu thêm các tư liệu lịch sử và địa lí dưới sự hướng dẫn của GV, rèn luyện tư duy lịch sử và tư duy địa lí.
 - Cấu trúc của Chủ đề chung được thiết kế thống nhất với cấu trúc của bài học mới trong phần Lịch sử và Địa lí.
- Hoạt động luyện tập và vận dụng – kết nối kiến thức với thực tiễn cuộc sống rất được chú trọng. Các câu hỏi, bài tập rèn luyện kĩ năng nhằm giúp HS biết trình bày, suy luận, đánh giá, tranh luận,... về một vấn đề nào đó trong bài. Phần Vận dụng giúp HS biết liên hệ giữa các nội dung, vấn đề vừa được học để bước đầu lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống hiện nay.
- Kế thừa SGK *Lịch sử và Địa lí 6*, SGK *Lịch sử và Địa lí 7*, điểm nổi bật của SGK *Lịch sử và Địa lí 8* là chú ý tới hoạt động học tập của học sinh. Ở mỗi mục trong bài học, đều có các yêu cầu HS hoạt động dưới các hình thức khác nhau (hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp). Nhờ đó, việc tiếp thu kiến thức trở nên chủ động, sáng tạo, hứng thú hơn; lớp học sinh động, không nhàm chán.
- SGK *Lịch sử và Địa lí 8* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* được biên soạn bám sát định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, dễ dạy đối với GV và dễ học đối với HS.

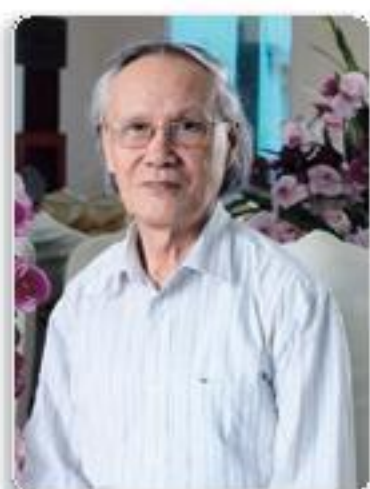
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ÂM NHẠC 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên

Nhạc sĩ Hoàng Long



- Nguyên Trưởng phòng Giáo dục Nghệ thuật – Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. Có nhiều kinh nghiệm viết SGK qua các thời kì (1992–1997, 2002–2006) và những nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp dạy học âm nhạc.
- Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên SGK *Âm nhạc 1* – bộ sách *Cùng học để phát triển năng lực*; đồng Tổng Chủ biên SGK *Âm nhạc 2*, *Âm nhạc 3* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*; Tổng Chủ biên SGK *Âm nhạc 6*, *Âm nhạc 7* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.

Chủ biên

ThS Vũ Mai Lan



- Chuyên viên Phòng Giáo dục Trung học, chỉ đạo môn Âm nhạc trường Phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
- Chủ biên SGK *Âm nhạc 6*, *Âm nhạc 7* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.

Các tác giả

CN Bùi Minh Hoa

- Phó Đoàn trưởng Đoàn Nhạc kịch, Nhà hát Nhạc Vũ Kịch Việt Nam.
- Chuyên gia đào tạo Recorder của Công ty Yamaha Vietnam.
- Tác giả SGK *Âm nhạc 6*, *Âm nhạc 7* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.

PGS. TS Trần Bảo Lân

- Giảng viên cao cấp ngành Âm nhạc, khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả SGK *Âm nhạc 6* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.

ThS Đặng Khánh Nhật

- Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông Liên cấp Song ngữ Wellspring, Hà Nội.

- Tác giả SGK Âm nhạc 1, Âm nhạc 2, Âm nhạc 3 – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.

ThS Nguyễn Thị Thanh Vân

- Giáo viên trường THCS Quang Trung, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.
- Tác giả SGK Âm nhạc 1, Âm nhạc 2, Âm nhạc 6, Âm nhạc 7 – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Sách được thiết kế màu sắc hài hoà, hấp dẫn, tạo hứng thú cho GV và HS. Khổ sách 19x26,5cm. Bìa sách với biểu tượng nhóm HS mặc trang phục đặc trưng của một vài dân tộc Việt Nam biểu diễn tại sân trường, HS biểu diễn nhạc cụ kèn phím, recorder, ukulele, đàn tính,... được giới thiệu và học chơi nhạc cụ trong SGK Âm nhạc 8. Sách gồm 68 trang, dung lượng vừa phải, thích hợp cho HS với thời lượng 35 tiết dùng cho cả năm học.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Sách được thiết kế gồm 8 chủ đề:

Chủ đề 1: *Chào năm học mới* (4 tiết)

Chủ đề 2: *Tôi yêu Việt Nam* (4 tiết)

Chủ đề 3: *Hoà ca* (4 tiết)

Chủ đề 4: *Biển đảo quê hương* (4 tiết)

Chủ đề 5: *Chào xuân* (4 tiết)

Chủ đề 6: *Âm nhạc nước ngoài* (4 tiết)

Chủ đề 7: *Giai điệu quê hương* (4 tiết)

Chủ đề 8: *Nhịp điệu mùa hè* (3 tiết)

3.2. Cấu trúc chủ đề

- Mỗi chủ đề được xây dựng thành 2 bài học gồm 3 – 5 mạch nội dung kiến thức: *Hát, Nghe nhạc, Đọc nhạc, Nhạc cụ, Lí thuyết âm nhạc, Thường thức âm nhạc* và phần *Vận dụng – Sáng tạo*. Trong đó, từ Chủ đề 1 đến Chủ đề 7 được phân chia thời lượng là 4 tiết, Chủ đề 8 được phân chia thời lượng 3 tiết, 4 tiết còn lại dành cho ôn tập kiểm tra, đánh giá giữa, cuối học kì I (2 tiết) và giữa, cuối học kì II (2 tiết) (việc phân chia số tiết được thể hiện cụ thể trong sách giáo viên và phân phối chương trình. Tổng số tiết dành cho môn Âm nhạc 8 là 35 tiết/năm học).
- SGK Âm nhạc 8 có điều chỉnh, thiết kế khác hơn so với SGK Âm nhạc 6, Âm nhạc 7 đảm bảo cập nhật, thực hiện theo Thông tư 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi Thông tư

33/2017/TT-BGDĐT về quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK ban hành ngày 19 tháng 3 năm 2022. Cụ thể các trang sách được điều chỉnh đổi mới là:

+ Các trang chủ đề được thiết kế với hình ảnh minh họa hấp dẫn, nổi bật ý nghĩa nội dung toàn bộ chủ đề, kết hợp trình bày các bài (số bài) có tên nội dung, kiến thức cụ thể giúp HS dễ dàng tiếp cận, tra cứu kiến thức được học trong toàn bộ chủ đề.



Trang chủ đề lớp 7

Trang chủ đề lớp 8



+ Các trang bài học được thiết kế chỉ rõ số bài, HS được học các mạch nội dung, kiến thức của từng bài và yêu cầu cần đạt sau khi HS hoàn thành bài học, đảm bảo bám sát theo Chương trình GDPT năm 2018 môn Âm nhạc.

Âm nhạc 7: Tiết học Hát

HÁT

Khai trường

Vũ điệu - Hân nhiên
Nhạc Quỳnh Hạp
Lời: Dương Xuân Linh



Bài hát có giai điệu tươi vui, rộn ràng thể hiện niềm hân hoan, náo nức của các bạn học sinh trong những ngày đầu tựu trường. Bài hát gồm 2 đoạn:
Đoạn 1: Hứ hững hững khai trường ... như đi xa về nhà
Đoạn 2: Khán đi tung trong gió ... tâm xa nhớ hè ơi

Âm nhạc 8: Tiết học Hát

BÀI 1


YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hát hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái và lời ca bài hát Chào năm học mới
- Biết biểu diễn bài hát với các hình thức khác nhau.
- Nghe nhạc: Cảm nhận được vẻ đẹp và bất biểu lộ cảm xúc khi nghe bài hát Bay lên nhé nụ cười

HÁT

Chào năm học mới

Nhánh vĩa - Vui, bẽn lẽn
Nhạc và lời Phạm Hải Đăng



Bài hát Chào năm học mới với giai điệu sôi nổi thể hiện sự hân hoan, tươi sáng của tuổi học trò. Lời ca như tiếng reo vui đầy hân hoan của các bạn học sinh trong ngày khai trường, chứa đựng tình cảm yêu mến, gắn bó với mái trường, thầy cô và bạn bè. Bài hát có hai đoạn:
Đoạn 1: Bạn ơi nhanh chân ... ngày khai trường
Đoạn 2: Ta hân hoan vui hát ... luôn cố gắng cố

Âm nhạc 7: Tiết học Lí thuyết âm nhạc

LÍ THUYẾT ÂM NHẠC

Nhịp lấy đà

Hát kết hợp vỗ tay theo phách bài hát *Đời sống không giả vì có chúng em*

1. **Tim hiểu nhịp lấy đà**
Nhận xét ô nhịp đầu tiên của hai dòng nhạc sau:

Dòng nhạc 1
Dòng nhạc 2

Nhịp lấy đà là ô nhịp đầu tiên trong bài hát hoặc bản nhạc không đủ số phách theo quy định của chỉ số nhịp. Những tác phẩm được mở đầu bằng nhịp lấy đà thường kết thúc bằng một ô nhịp không đầy đủ, bổ sung cho nhịp lấy đà.

2. **Nhận biết và thể hiện nhịp lấy đà**



Sưu tầm các bản nhạc, bài hát đã học có nhịp lấy đà để chia sẻ và thể hiện ở phần Vận dụng - Sáng tạo

Âm nhạc 8: Tiết học Lí thuyết âm nhạc

BÀI 2

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Lí thuyết âm nhạc: Nhận biết được một số bản nhạc viết ở giọng Đô trưởng. Biết vận dụng kiến thức đã học về giọng Đô trưởng để đọc Bài đọc nhạc số 1.
- Đọc nhạc: Đọc đúng tên nốt, cao độ, trường độ Bài đọc nhạc số 1; thể hiện đúng tinh chất giọng trưởng, cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc số 1.

LÍ THUYẾT ÂM NHẠC

Gam trưởng, giọng trưởng, giọng Đô trưởng

1. Gam trưởng là hệ thống gồm 7 bậc âm được sắp xếp lên bậc từ thấp lên cao, từ cao xuống thấp, bắt đầu từ âm bậc I (âm chủ - âm ổn định nhất). Gam trưởng có cấu tạo cung và nửa cung như sau:

I II III IV V VI VII (I)
1c 1c 1/2c 1c 1c 1c 1/2c

2. Giọng trưởng hình thành khi các bậc âm của gam trưởng được sử dụng để xây dựng một tác phẩm âm nhạc (bài hát, bản nhạc). Tên gọi của giọng bao gồm tên âm chủ kèm theo từ trưởng (dur hoặc Major). Những bài hát, bản nhạc có tính chất trong sáng, vui tươi thường được viết ở giọng trưởng.

3. Giọng Đô trưởng là giọng trưởng có âm chủ là nốt Đô. Giọng Đô trưởng có kí hiệu: C - dur (hoặc C Major). Thành phần âm của giọng Đô trưởng bao gồm:

I II III IV V VI VII (I)
1c 1c 1/2c 1c 1c 1c 1/2c

Như vậy, giọng Đô trưởng gồm tất cả các bậc âm cơ bản. Vì thế, một bài hát hoặc bản nhạc viết ở giọng Đô trưởng thì hoá biểu (thông dấu hoá sau khoá nhạc) không có dấu thăng hoặc dấu giáng và thường kết thúc bằng âm chủ là nốt Đô.

Vận dụng sự hiểu biết về giọng để xác định giọng và âm chủ của Bài đọc nhạc số 1.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

- Thể hiện quan điểm đổi mới theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực của người học, nhưng không xem nhẹ vai trò của kiến thức. Kiến thức trong SGK không chỉ cần hiểu và ghi nhớ mà là những kiến thức chất lọc phù hợp với giáo dục âm nhạc phổ thông giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực âm nhạc cần có trong cuộc sống hằng ngày.

- Các nội dung giáo dục chọn lọc theo hướng tinh giản hơn so với Chương trình hiện hành, các nội dung trong từng chủ đề có sự kết nối và được sắp xếp hợp lí, nội dung giáo dục đảm bảo phân hoá cho các đối tượng HS khác nhau. Lớp 6, 7 HS học 8 bài hát thì lớp 8 rút bớt chỉ còn 7 bài hát để dành thời lượng cho hoạt động hát bè, đọc nhạc có bè đảm bảo theo yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 8.
- Các chủ đề trong SGK *Âm nhạc 8* được sắp xếp theo trình tự thời gian và sự kiện lớn trong năm học như: tháng 9 đầu năm học hát những bài hát về nhà trường; tháng 12 hát bài hát về tình yêu quê hương đất nước, bảo vệ biển đảo; tháng 1 học bài hát về mùa xuân; tháng 4 – 5 học bài hát chủ đề về mùa hè; đan xen những bài hát dân ca, bài hát nước ngoài. Đặc biệt, SGK *Âm nhạc 8* có sự khác biệt so với SGK *Âm nhạc 6* và *Âm nhạc 7* đó là trong chủ đề *Tôi yêu Việt Nam, Biển đảo quê hương,...* thông qua những lời ca ý nghĩa, giai điệu đẹp của các bài hát được học, HS được vận dụng các kiến thức tích hợp nội dung môn *Âm nhạc* và liên môn với các môn học khác (*Tin học, Lịch sử và Địa lí, Mĩ thuật,...*). Từ đó, giáo dục HS có ý thức, trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội và đất nước (phù hợp với lứa tuổi HS lớp 8, bắt đầu rèn luyện ý thức, phấn đấu, chuẩn bị tâm thế được kết nạp đứng trong hàng ngũ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vào lớp 9).
- SGK *Âm nhạc 8* hỗ trợ tối đa cho GV đổi mới hiệu quả việc tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc trong nhà trường (thực hiện xây dựng Phụ lục 2 của Công văn 5512 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành) từ các đơn vị kiến thức nội dung trong SGK. Thông qua các hoạt động kích thích tính tích cực và chủ động, giúp HS hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực phù hợp với đặc điểm, ưu thế môn học *Âm nhạc*.
- Đối với nội dung học Nhạc cụ, sách tiếp tục viết theo hướng mở, các nhà trường được chủ động đề xuất, chọn lựa nhạc cụ phù hợp để thực hiện dạy (mức độ kiến thức bám theo nội dung trình bày trong SGK viết cho 2 nhạc cụ recorder và kèn phím sơ giản, dễ dạy và học cho GV, HS trên toàn quốc).
- Sách tạo động lực học tập cho HS thông qua việc xây dựng hoạt động học theo hướng: Khởi động, Hình thành kiến thức, Luyện tập, Vận dụng – Sáng tạo (hoạt động này thực hiện trong tiết cuối cùng của chủ đề). Kết thúc mỗi chủ đề đều có nội dung định hướng, giáo dục HS, HS rút ra những bài học để ứng dụng vào cuộc sống, giúp HS vận dụng để giải quyết những vấn đề từ các cấp độ và phương diện khác nhau như: biết – hiểu – vận dụng – vận dụng cao (sáng tạo). Từ đó, GV làm căn cứ lấy kết quả các cấp độ để thực hiện đánh giá nhận xét theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh THCS.

Dưới đây là ví dụ nội dung của hai chủ đề và dự kiến phân phối chương trình – Kế hoạch dạy học được chia theo Bài/Tiết/Chủ đề:

Chủ đề 2: Tôi yêu Việt Nam (gồm 4 tiết)

Bài 3: (1 tiết)

Hát: Bài hát *Việt Nam ơi*

Nghe nhạc: Bài hát *Ngàn ước mơ Việt Nam*

Bài 4: (2 tiết)

Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím

Thường thức âm nhạc: Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Vận dụng – Sáng tạo (1 tiết)

The image shows a grid of 8 educational pages for Unit 2, Lesson 3 and 4. The pages contain musical notation, lyrics, and instructions for playing recorders and keyboards. Page 12 (top left) is the title page for 'Tôi yêu Việt Nam'. Page 13 (top middle) is 'Bài 3: Việt Nam ơi' with musical notation and lyrics. Page 14 (top right) is 'Bài 4: Nhạc cụ' with recorder and keyboard instructions. Page 15 (middle left) is 'Bài 4: Nhạc cụ' with recorder and keyboard instructions. Page 16 (middle middle) is 'Thường thức âm nhạc: Dân ca Quan họ Bắc Ninh' with a photo of performers. Page 17 (middle right) is 'Khách đến chơi nhà' with musical notation and lyrics. Page 18 (bottom left) is 'Bài 4: Nhạc cụ' with recorder and keyboard instructions. Page 19 (bottom right) is 'Việc học - sáng tạo' with a drawing of children playing recorders and a poem.

Chủ đề 3: Hoà ca (gồm 4 tiết)

Bài 5: (2 tiết)

Hát: Hát hai bè trích đoạn bài *Ngàn ước mơ Việt Nam*, liên khúc *Tôi yêu Việt Nam*

Thường thức âm nhạc: *Thể loại hợp xướng*

Bài 6: (1 tiết)

Lí thuyết âm nhạc: Nhịp $\frac{3}{8}$

Độc nhạc: *Bài đọc nhạc số 2*

Vận dụng – Sáng tạo (1 tiết)

CHUẨN 3

NGHỆ

Bài 5 - Phát hiện và viết đoạn bài hát yêu Việt Nam, lời của Tô Vũ Việt Nam

Bài 6 - Li thuyết âm nhạc

- Các nhạc cụ dân tộc số 2

BÀI 5

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh được biết, trường độ, sắc thái và thể của bài hát yêu Việt Nam.
- Trường độ của nhạc: Từ bài hát yêu Việt Nam.
- Trường độ của nhạc: Học sinh được biết, trường độ của bài hát yêu Việt Nam.
- Trường độ của nhạc: Học sinh được biết, trường độ của bài hát yêu Việt Nam.

HÁT

Ngôn ngữ mẹ Việt Nam

Thơ và lời: Nguyễn Đình Thi

Tập hát dân gian

Tập hát dân gian

Tập hát dân gian

TRƯỜNG THỰC ÂM NHẠC

Thể loại hợp xướng

Tập biểu diễn hợp xướng

Hợp xướng là thể loại nhạc hát có nhiều bè, mỗi bè có một bài hát riêng. Khi biểu diễn là hát theo xướng theo hợp xướng theo giọng, hát theo bè, hát theo nhịp, hát theo lời, hát theo nhạc. Hợp xướng có thể hát theo giọng, hát theo bè, hát theo nhịp, hát theo lời, hát theo nhạc. Hợp xướng có thể hát theo giọng, hát theo bè, hát theo nhịp, hát theo lời, hát theo nhạc.

Nghe hợp xướng Ca ngợi Tổ quốc

Ca ngợi Tổ quốc

Thơ và lời: Lê Đình

BÀI 6

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Li thuyết âm nhạc: Học sinh được biết, trường độ và sắc thái của bài hát yêu Việt Nam.
- Trường độ của nhạc: Học sinh được biết, trường độ của bài hát yêu Việt Nam.
- Trường độ của nhạc: Học sinh được biết, trường độ của bài hát yêu Việt Nam.

LI THUYẾT ÂM NHẠC

Nhịp 3/4

Tên biểu nhạc

Khẩu cao bốn nhịp

ĐỌC NHẠC

Bài đọc nhạc số 2

Thơ và lời: Lê Đình

YÊU CẦU - SẢN PHẨM

1. Bài hát dân gian

2. Bài hát dân gian

3. Bài hát dân gian

- Nội dung SGK đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 05/2022/TT-BGDĐT sửa đổi Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT về quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa ban hành ngày 19 tháng 3 năm 2022 và Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT; Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT.
- Hỗ trợ học liệu điện tử trên trang website <https://hanhtrangso.nxbgd.vn>.
- Tập huấn GV: <https://taphuan.nxbgd.vn>.

MĨ THUẬT 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên

PGS.TS Đinh Gia Lê



- Nguyên giảng viên cao cấp Trường Đại học Sư Phạm Nghệ thuật Trung ương.
- Phó Tổng biên tập NXBGDVN.
- Chuyên ngành nghiên cứu: Mỹ thuật, Văn hoá.
- Tổng Chủ biên SGK *Mỹ thuật 1, 2, 4, 6, 11* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*).

Chủ biên

PGS.TS Đoàn Thị Mỹ Hương



- Nguyên Trưởng Ban Nghiên cứu Nghệ thuật, Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia.
- Chuyên ngành nghiên cứu: Hội hoạ, Lí luận và Lịch sử mỹ thuật.
- Tổng Chủ biên SGK *Mỹ thuật 1* – bộ sách *Cùng học để phát triển năng lực* (Chương trình GDPT 2018), NXBGDVN.
- Đồng Tổng Chủ biên SGK *Mỹ thuật 2, 6*; Đồng Chủ biên SGK *Mỹ thuật 3, 4*; Chủ biên SGK *Mỹ thuật 7*.

Các tác giả

ThS. Phạm Duy Anh

- Nghiên cứu viên tại NXBGDVN.
- Chuyên ngành nghiên cứu: Nghệ thuật học, Văn hoá học, Tâm lí học.
- Tác giả SGK *Mỹ thuật 1, 2, 3, 4, 6, 7, 10, 11* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

ThS. Trương Triều Dương

- Giáo viên Mỹ thuật thuộc Hệ thống Giáo dục Vinschool, Hà Nội.
- Chuyên ngành nghiên cứu: Mỹ thuật.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Sách giáo khoa *Mĩ thuật 8* có 72 trang, khổ sách 19 x 26.5 cm, in 4 màu trên giấy couche có độ trắng phù hợp với việc sử dụng sách của HS.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Ngoài Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu, Mục lục, Một số thuật ngữ sử dụng trong sách, Bảng phiên âm tên riêng nước ngoài, cấu trúc SGK *Mĩ thuật 8* gồm 8 chủ đề, 16 bài. Những chủ đề trong sách được biên soạn theo định hướng trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Mĩ thuật* về các nội dung: văn hoá, xã hội, lịch sử *mĩ thuật* thời kì hiện đại Việt Nam và thế giới. Yếu tố, nguyên lí tạo hình được giới thiệu thông qua việc lồng ghép với các thể loại: Hội hoạ, Đồ hoạ (tranh in), Điêu khắc, Lịch sử *mĩ thuật*. Cùng với đó, HS được thực hành, sáng tạo các sản phẩm *mĩ thuật* có tính kết nối tri thức với cuộc sống thuộc các lĩnh vực: Thiết kế đồ hoạ; Thiết kế thời trang và Thiết kế công nghiệp.

3.2. Cấu trúc chủ đề

Về cơ bản, SGK *Mĩ thuật 8* được thiết kế với hai dạng bài chính:

- Dạng bài về *mĩ thuật* tạo hình: bài 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13.
- Dạng bài về *mĩ thuật* ứng dụng: bài 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14.
- Dạng bài về hướng nghiệp: 15, 16.

Cấu trúc mỗi chủ đề trong SGK *Mĩ thuật 8* gồm 4 hoạt động (mục) chính: Quan sát – Thể hiện – Thảo luận – Vận dụng.

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Hình tượng con người trong <i>mĩ thuật</i>	5
	Bài 1: Hình tượng con người trong sáng tạo <i>mĩ thuật</i>	5
	Bài 2: Một số dạng bố cục trong tranh sinh hoạt	9
2	Vẻ đẹp trong nghệ thuật truyền thống	13
	Bài 3: Nghệ thuật truyền thống	13
	Bài 4: Thiết kế trang phục với hoa văn dân tộc thiểu số	17
3	Niềm vui, hạnh phúc	21
	Bài 5: Tác phẩm hội hoạ chủ đề <i>Niềm vui, hạnh phúc</i>	21
	Bài 6: Thiết kế quà sinh nhật từ vật liệu sẵn có	25
4	Mĩ thuật thể giới thời kì hiện đại	29
	Bài 7: Một số trường phái <i>mĩ thuật</i> phương Tây thời kì hiện đại	29
	Bài 8: Nghệ thuật trang trí đồ gia dụng	33
Kiểm tra, trưng bày sản phẩm cuối học kì I		37
5	Vẻ đẹp trong lao động	38
	Bài 9: Vẻ đẹp người lao động trong sáng tạo <i>mĩ thuật</i>	38
	Bài 10: Nghệ thuật trở giấy trong trang trí	42
6	Giao thông công cộng trong sáng tạo <i>mĩ thuật</i>	46
	Bài 11: Phương tiện giao thông công cộng trong sáng tạo <i>mĩ thuật</i>	46
	Bài 12: Thiết kế, trang trí áo phông	50
7	Mĩ thuật Việt Nam thời kì hiện đại	54
	Bài 13: Một số tác giả, tác phẩm <i>mĩ thuật</i> Việt Nam thời kì hiện đại	54
	Bài 14: Nghệ thuật thiết kế Việt Nam thời kì hiện đại	58
8	Hướng nghiệp	62
	Bài 15: Ngành, nghề liên quan đến <i>mĩ thuật</i> tạo hình	62
	Bài 16: Đặc trưng của ngành, nghề liên quan đến <i>mĩ thuật</i> tạo hình	66
Kiểm tra, trưng bày sản phẩm cuối năm		70
Một số thuật ngữ dùng trong sách		71
Bảng phiên âm tên riêng nước ngoài		71

Mỗi bài học trong sách giáo khoa *Mĩ thuật 8* được tổ chức thành bốn hoạt động cụ thể như sau:



QUAN SÁT: Học sinh huy động kiến thức, kinh nghiệm cá nhân để tham gia hoạt động, tạo sự hứng thú và có nhận thức ban đầu về bài học mới.



THỂ HIỆN: Học sinh tìm hiểu thông tin nhằm phát hiện và lĩnh hội những kiến thức, kĩ năng mới của bài học.



THẢO LUẬN: Học sinh sử dụng kiến thức, kĩ năng được trang bị để giải quyết các vấn đề, tình huống... nhằm khắc sâu kiến thức, cũng như các yêu cầu của bài học một cách chắc chắn.



VẬN DỤNG: Học sinh giải quyết các vấn đề của thực tế hoặc vấn đề có liên quan đến nội dung của bài học, từ đó phát huy khả năng sáng tạo, sự linh hoạt của tư duy vào cuộc sống.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

- Tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kỹ năng mỹ thuật tạo hình ở lớp 6, 7 thông qua các hoạt động thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật như: Xây dựng hình tượng con người trong tranh sinh hoạt và sắp xếp theo một dạng bố cục yêu thích (bài 2); Dùng hình thức vẽ hoặc tạo mô hình thể hiện về chủ đề *Niềm vui, hạnh phúc; Vẽ đẹp trong lao động*;...

 **Gợi ý cách thực hiện sản phẩm mỹ thuật theo phương pháp in**

Bước 1. Tìm bố cục, vẽ hình. Tạo khuôn in (Hình ngược với phác thảo). Chuyển hình lên giấy xốp

Bước 2. Khắc định hình nét trên bản in

Bước 3. Thực hiện in tuân tự từng phần, mang màu. Nét định hình chính là phần giấy đen không in

Bước 4. Hoàn thiện sản phẩm

- Phát triển, kết nối tri thức với cuộc sống để thiết kế những sản phẩm mỹ thuật ứng dụng như: Thiết kế và trang trí một đồ gia dụng theo trường phái nghệ thuật thời kì hiện đại (bài 8); Sử dụng vật liệu sẵn có thiết kế quà sinh nhật cho một người bạn (bài 6); Thiết kế, trang trí áo phong truyền thông về lợi ích của giao thông công cộng trong đời sống xã hội (bài 12);...

THỂ HIỆN

Gợi ý cách thiết kế, trang trí áo phông tuyên truyền tham gia giao thông công cộng



Bước 1. Phác hình thể hiện ý tưởng



Bước 2. Kẻ chữ và thể hiện chi tiết

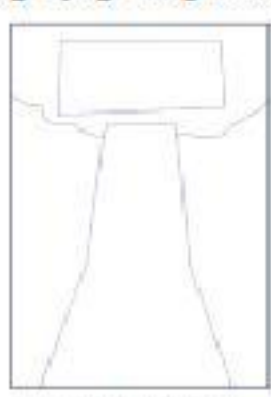


Bước 3. Lựa chọn màu để thể hiện, chú ý đến sự kết hợp hài hoà của màu sắc, sắc độ đậm – nhạt rõ ràng




Bước 4. Hoàn thiện sản phẩm


Gợi ý cách thiết kế mẫu áo phông tuyên truyền giao thông công cộng bằng hình thức cắt, dán vải




Bước 1. Phác hình, thể hiện ý tưởng



Bước 2. Vẽ và cắt các thành phần chính, chỉ缝 cần trang trí



Bước 3. Thiết kế kiểu dáng áo phông



Bước 4. Thể hiện hình ảnh của tuyên truyền

Em có biết:

Sử dụng hình ảnh để truyền thông trong thiết kế thời trang mang tính tương trưng, nhằm mục đích truyền đạt thông tin về một sản phẩm, một sự kiện. Hình ảnh để truyền thông thường được in, vẽ, sử dụng kết hợp nhiều đặc điểm tạo hình và nội dung của hình ảnh sử dụng với mục đích truyền thông:

- Hình minh họa cần rõ ràng, sắc nét, có động;
- Màu sắc có độ tương phản mạnh và theo mảng;
- Nội dung chữ ngắn gọn, súc tích.

Em hãy khai thác ý nghĩa và vẻ đẹp tạo hình của phương tiện giao thông công cộng để thiết kế áo phông tuyên truyền về lợi ích của giao thông công cộng trong đời sống xã hội

– Trải nghiệm và khám phá mỹ thuật thông qua nhiều hình thức thực hành, góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất và tình yêu quê hương, đất nước, con người nơi em ở như: Nghệ thuật trở giấy trong trang trí (bài 10); Một số tác giả, tác phẩm mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại (bài 10); Nghệ thuật thiết kế Việt Nam thời kì hiện đại (bài 11);...

Bài 13: Một số tác giả, tác phẩm mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại


Yêu cầu cần đạt:

- Biết được giá trị tạo hình của nền Mỹ thuật Việt Nam hiện đại thông qua một số tác giả, tác phẩm.
- Viết được một bài luận về tác giả, tác phẩm hoặc vẽ theo một trường phái mỹ thuật Việt Nam hiện đại.
- Vận dụng kiến thức đã học xây dựng một video clip/ một tờ báo tường về nghệ thuật Việt Nam hiện đại.
- Tự hào về nền mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại.


QUAN SÁT

Tìm hiểu đặc điểm tạo hình của một số tác phẩm mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại

- Đặc điểm tạo hình của mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại là gì?
- Mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại thường khai thác những đề tài nào?



1. Nguyễn Tư Nghiêm, Cơm nguội, 1957, tranh sơn mài⁽¹⁾



2. Lê Anh Văn, Chăn trâu, 1984, tranh sơn dầu⁽²⁾


Mỹ thuật Việt Nam hiện đại có thể phân kì như sau: giai đoạn từ 1925 – 1945, mỹ thuật Việt Nam theo các khuynh hướng, trường phái nghệ thuật phương Tây, thông qua các họa sĩ được đào tạo ở Trường Mỹ thuật Đông Dương. Giai đoạn từ 1946 – 1975, mỹ thuật Việt Nam lấy khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa làm chủ đạo. Giai đoạn từ 1976 đến nay, mỹ thuật Việt Nam có nhiều khuynh hướng sáng tác đa dạng trong bối cảnh hội nhập thế giới ngày một sâu rộng.

(1), (2) Nguồn: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam


- Có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá trên thế giới như: Khai thác vẻ đẹp nghệ thuật truyền thống trong thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật (bài 3); Thiết kế một bộ trang phục với hoa văn dân tộc thiểu số (bài 4);...

THỰC HIỆN


Gợi ý cách khai thác vẻ đẹp của nghệ thuật ca trù trong thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật




Bước 1. Xây dựng bố cục khái quát



Bước 2. Thể hiện chi tiết nhân vật



Bước 3. Vẽ màu



Bước 4. Hoàn thiện sản phẩm

Em có biết:

Nghệ thuật truyền thống gồm các kỹ năng, tri thức được truyền lại qua nhiều thế hệ trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nghệ thuật truyền thống gồm hình thức biểu diễn, nhạc cổ truyền, nghệ thuật tạo hình, kiến trúc,... Trong đó, một số thể loại nghệ thuật truyền thống đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại như: Nhã nhạc - Nhạc cung đình triều Nguyễn; Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây nguyên; Dân ca quan họ Bắc Ninh; Hát Ca trù; Hát Xoan Phú Thọ; Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ; Dân ca Ví, Giặm ở Nghệ Tĩnh; Nghệ thuật Bài Chòi ở Trung Bộ; Thực hành Thờ cúng người Tây, Nùng, Thái; Nghệ thuật Xòe Thái,...


Khai thác vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống trong thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật theo cách em yêu thích

THẢO LUẬN


Trung bày sản phẩm mỹ thuật và thảo luận:

- Vẻ đẹp nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc nào được khai thác trong sáng tạo sản phẩm mỹ thuật?
- Hãy chia sẻ các bước thực hiện sản phẩm mỹ thuật khai thác vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống.
- Nhóm chính, nhóm phụ và cảm giác về sự chuyển động của yếu tố tạo hình trong sản phẩm mỹ thuật được thể hiện như thế nào?

Sản phẩm mỹ thuật của học sinh



1. Lê Ngọc Bình (Bắc Ninh), Quan họ, sản phẩm mỹ thuật da chất liệu



2. Phạm Quang Anh (Cần Thơ), Đờn ca tài tử, sản phẩm mỹ thuật từ chất liệu

VẬN DỤNG

- Giới thiệu một số loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc mà em biết.
- Suy tầm tư liệu, hình ảnh về nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và viết bài giới thiệu, quảng bá với bạn bè, người thân.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên



PGS.TS Nguyễn Thị Toan

- Giảng viên cao cấp, nguyên Trưởng khoa Giáo dục chính trị – Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Công tác tại Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; trực tiếp đào tạo giáo viên các cấp môn Đạo đức, Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.
- Tác giả nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, đổi mới phương pháp dạy học,...
- Tổng Chủ biên SGK *Đạo đức 1, 2, 3, 4; Giáo dục công dân 6, 7*; tác giả SGK *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10* (Chương trình GDPT năm 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

Chủ biên



PGS.TS Trần Thị Mai Phương

- Giảng viên cao cấp, công tác tại Khoa Lí luận Chính trị – Giáo dục công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả nhiều công trình nghiên cứu về Giáo dục công dân, đổi mới phương pháp dạy học,...
- Chủ biên SGK *Giáo dục công dân 6, 7; Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10, 11* (Chương trình GDPT năm 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

Các tác giả

TS Nguyễn Hà An

- Luật sư, Giám đốc Công ty Luật Nguyễn An.
- Tác giả nhiều sách, tài liệu giáo dục pháp luật cho HS phổ thông.
- Tác giả SGK *Giáo dục công dân 6, 7; Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10, 11* (Chương trình GDPT năm 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

ThS Nguyễn Thị Hoàng Anh

- Giám đốc Trung tâm Sức khỏe gia đình và Phát triển cộng đồng.
- Chuyên gia giáo dục kỹ năng sống cho HS cấp Tiểu học, THCS.

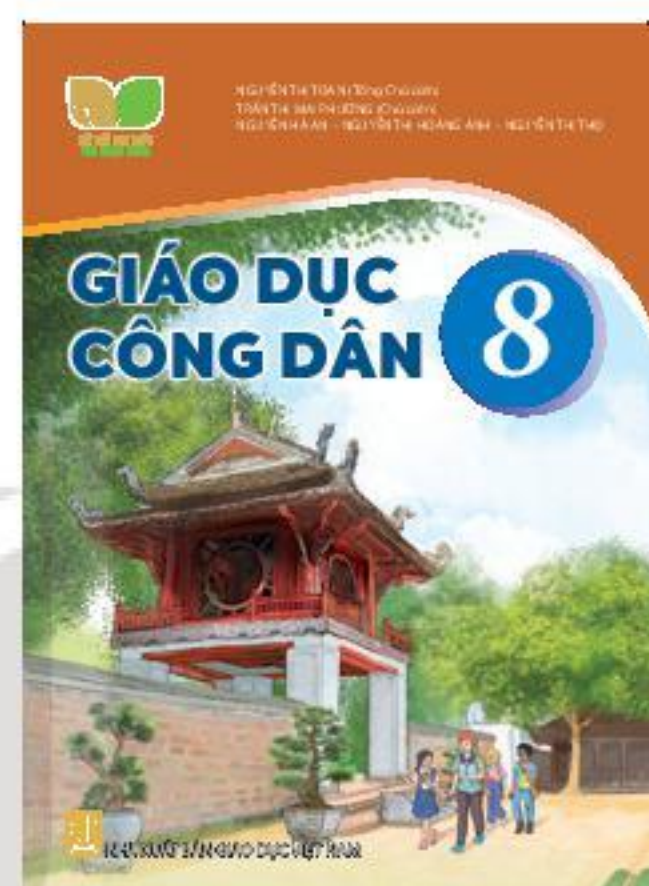
- Tác giả SGK *Đạo đức 2, 3, 4; Giáo dục công dân 6, 7* (Chương trình GDPT năm 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

PGS.TS Nguyễn Thị Thọ

- Giảng viên cao cấp, nguyên Phó Trưởng khoa Triết học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức, đổi mới phương pháp dạy học,...
- Tác giả SGK *Giáo dục công dân 6, 7* (Chương trình GDPT năm 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

2. HÌNH THỨC SÁCH

SGK *Giáo dục công dân 8* gồm 72 trang, được thiết kế 4 màu với nhiều tranh ảnh nội dung, minh họa cho các truyện kể, tình huống. Sách được in trên khổ giấy to 19x26,5 cm, chất lượng giấy tốt, hình ảnh, màu sắc đẹp. Sau khi hoàn thiện bản in giấy, SGK *Giáo dục công dân 8* sẽ được số hoá thành phiên bản sách điện tử riêng, nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ số vào giáo dục.



3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Ngoài Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu, Mục lục, Một số thuật ngữ dùng trong sách, SGK *Giáo dục công dân 8* gồm 10 bài, xoay quanh 4 mạch nội dung giáo dục:

- *Giáo dục đạo đức*: Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam; Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc; Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo; Bài 4: Bảo vệ lẽ phải; Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- *Giáo dục kỹ năng sống*: Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân; Bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình.
- *Giáo dục kinh tế*: Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu.
- *Giáo dục pháp luật*: Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại; Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

3.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc bài học dựa trên tiến trình nhận thức của HS, tuân thủ quy trình dạy học trải nghiệm, từ việc Nhận biết đến thấu hiểu, Tin tưởng và Hành động. Mỗi bài học được thiết kế thống nhất theo chuỗi hoạt động gồm:

- 1/ *Mở đầu*: Nêu vị trí, tầm quan trọng của bài học; tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú của HS để vào bài mới thông qua trò chơi, bài hát, câu chuyện, hình ảnh, video clip, câu hỏi chia sẻ trải nghiệm,...

- 2/ *Khám phá*: Hình thành, phát triển ở HS những kiến thức về chuẩn mực hành vi và sự cần thiết phải thực hiện theo các chuẩn mực đó.
- 3/ *Luyện tập*: Nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng vừa khám phá, rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tiễn nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân.
- 4/ *Vận dụng*: Nhằm ứng dụng tri thức vào giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn cuộc sống ở không gian mới, tình huống mới.

4. NHỮNG ĐIỂM MỚI, ĐIỂM NỔI BẬT

a) Về cách tiếp cận

Tiếp nối SGK *Giáo dục công dân 6, 7*, SGK *Giáo dục công dân 8* được biên soạn theo hướng hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cho HS. Từ tinh thần “Kết nối tri thức với cuộc sống”, sách được thiết kế hài hoà giữa hoạt động khám phá kiến thức, rèn luyện kĩ năng với vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tập trung phát triển ở HS năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

b) Về nội dung

- Đảm bảo tính *khoa học, chuẩn mực*, thể hiện chính xác, đầy đủ những yêu cầu cần đạt của chương trình môn Giáo dục công dân lớp 8. Ngôn ngữ phổ thông, trong sáng, văn phong khoa học. Nguồn trích rõ ràng, thông tin chuẩn xác. Các chủ đề đều làm rõ nội hàm khái niệm cơ bản; lấy hệ khái niệm làm công cụ để xây dựng tri thức khoa học, góp phần giúp HS hình thành, phát triển năng lực tư duy khoa học.
- Với 35 tiết/năm học, SGK *Giáo dục công dân 8* (Chương trình GDPT 2006) có 18 bài với 2 mạch nội dung giáo dục (đạo đức, pháp luật). Nội dung SGK *Giáo dục công dân 8* mới *tin giản, thiết thực* hơn, chỉ có 10 chủ đề, xoay quanh 4 mạch nội dung giáo dục: đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống, kinh tế. Nội dung sách phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí và trải nghiệm của HS lớp 8, giúp HS vận dụng giải quyết những vấn đề thiết thực trong cuộc sống như: xác định mục tiêu cá nhân, phòng chống bạo lực gia đình,...
- *Kế thừa và phát triển* truyền thống giáo dục của dân tộc; tinh hoa giáo dục và kinh nghiệm biên soạn SGK của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến; SGK *Giáo dục công dân 8* hiện hành; đảm bảo tính *hệ thống* theo ma trận các chủ đề/bài học thống nhất từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học cơ sở. Vẫn trên cơ sở 4 mạch nội dung giáo dục, các chuẩn mực hành vi phát triển theo đường xoáy ốc mở rộng và nâng cao dần trên cơ sở kế thừa những chuẩn hành vi của lớp trước, dung lượng bài tập cũng đa dạng và phức tạp hơn, phù hợp với sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS qua từng lớp học.
- Chú trọng yêu cầu dạy học *phân hoá* theo năng lực HS; đảm bảo tính đa dạng vùng miền và sự *cân bằng về giới*. Các thông tin, tình huống, câu chuyện, tranh ảnh,... gắn với các vùng miền (nông thôn – thành thị, đồng bằng – miền núi,...). Chuỗi hoạt

động trong mỗi bài học được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với sự khác nhau về năng lực của mỗi HS.

- *Tích hợp nội môn* giữa 4 mạch nội dung giáo dục và *tích hợp liên môn* giữa Giáo dục công dân với Âm nhạc, Mĩ thuật, Ngữ văn, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... giúp cho các hoạt động học tập phong phú, sinh động, hấp dẫn hơn, đồng thời có sự hỗ trợ, tương tác giữa các môn học về nguồn ngữ liệu và hoạt động dạy học.
- Thể hiện *sinh động, hấp dẫn* những yêu cầu cần đạt của chương trình môn Giáo dục công dân lớp 8 qua những câu chuyện (“Một tấm gương lao động cần cù, sáng tạo”, “Sự trung thực hay là tình bạn”,...), thông tin về sự đa dạng dân tộc, văn hoá của Nhật Bản, Nga, Ni-giê-ri-a,... đánh thức cảm xúc, khơi dậy hứng thú, khát khao học tập của HS.

c) Về phương pháp dạy học

- Các hoạt động trong sách mang tính mở giúp GV có thể phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thiết kế nhiều hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực khuyến khích HS khám phá, khai thác thông tin, xử lí tình huống, học qua các trường hợp điển hình,... tự do sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với điều kiện của trường, lớp, vùng miền,... Các mạch nội dung giáo dục được thiết kế theo chủ đề/ bài học thay vì tiết học, giúp GV chủ động, linh hoạt hơn trong dạy học tùy theo năng lực HS và điều kiện thực tế của trường lớp. GV có thể sắp xếp lại trật tự chủ đề, điều chỉnh số tiết (đảm bảo tỉ lệ các mạch giáo dục theo chương trình), thay đổi, bổ sung thông tin, câu chuyện, tình huống.
- Theo hướng phát triển năng lực, SGK *Giáo dục công dân 8* không cung cấp những kiến thức có sẵn cho HS mà gợi ý tổ chức các hoạt động để HS tự giác, tích cực phát hiện và chiếm lĩnh tri thức. Sách hỗ trợ HS phát huy năng lực bản thân với nhiều hoạt động học tập phong phú, đa dạng: quan sát tranh, nghe/đọc/kể chuyện, thảo luận nhóm, chơi trò chơi, đóng vai, xử lí tình huống,... tạo ra sản phẩm thể hiện kết quả học tập của mình. Các bài tập tình huống mang tính chất mở với cách xử lí khác nhau, tùy thuộc từng hoàn cảnh, góc độ tiếp cận của HS.

d) Về hình thức

Sách chú trọng sự kết hợp kênh hình và kênh chữ. *Kênh hình* có tranh ảnh 4 màu đẹp, tươi sáng, trau chuốt, sinh động, giúp HS phát triển được xúc cảm thẩm mĩ, hứng thú với bài học. *Kênh chữ* với ngôn ngữ phổ thông, văn phong mạch lạc, trong sáng, chuyển tải chính xác, sinh động các nội dung giáo dục, giúp cho việc học Giáo dục công dân không khô khan, giáo điều, cứng nhắc mà trở thành một hành trình học tập hấp dẫn, thú vị và hiệu quả.

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên



TS Lưu Thu Thủy

- Từng công tác tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Tổng Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm 1, 3, 4, 7, 10, 11*; Đồng Tổng Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm 2*; Tác giả SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 4, 6, 7, 10, 11* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.
- Tác giả nhiều công trình nghiên cứu giáo dục đạo đức, giáo dục công dân, giáo dục kỹ năng sống,....

Chủ biên



ThS Trần Thị Thu

- Từng công tác tại trung tâm Hỗ trợ Đào tạo và Cung ứng nhân lực, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7*; Đồng Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6*; Tác giả SGK *Hoạt động trải nghiệm 1, 2* và *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6, 7, 10* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.
- Tác giả của nhiều cuốn sách tham khảo, hướng dẫn học, hướng nghiệp dành cho GV, sinh viên và HS.

Các tác giả

PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình

- Từng công tác tại Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Ủy viên Hội đồng thẩm định Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
- Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm 1*; *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10, 11*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Đồng Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm 2*; tác giả SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 1, 2, 6, 7, 10, 11* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

PGS.TS. Nguyễn Thu Hương

- Trưởng Khoa Giáo dục mầm non, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Tác giả SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6, 7, 8* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

TS. Lê Thị Thanh Thuý

- Phó Trưởng khoa Công tác xã hội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.
- Tác giả SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

TS. Nguyễn Thị Việt Nga

- Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Đồng Chủ biên SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.
- Tác giả SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Số trang: 72 trang; Khổ sách: 19×26,5 cm; Sách được in 4 màu, hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình, phù hợp với lứa tuổi HS lớp 8.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

Nội dung sách được cấu trúc thành các chủ đề và biên soạn theo định hướng nhất quán, đồng tâm, mở rộng từ lớp 6 đến lớp 8 với 9 chủ đề:

Chủ đề 1: Em với nhà trường

Chủ đề 2: Khám phá bản thân

Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân

Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân

Chủ đề 5: Em với gia đình

Chủ đề 6: Em với cộng đồng

Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường

Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp

Chủ đề 9: Hiểu bản thân – chọn đúng nghề

3.2. Cấu trúc chủ đề

Các chủ đề trong SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8* được xây dựng theo các mạch nội dung: Hướng vào bản thân, Hướng đến xã hội, Hướng đến tự nhiên, Hướng nghiệp.

Mở đầu mỗi chủ đề là phần định hướng về nội dung cho các loại hình hoạt động: Sinh hoạt dưới cờ, Hoạt động giáo dục theo chủ đề, Sinh hoạt lớp nhằm giúp GV và HS định hướng được nội dung các hoạt động giáo dục sẽ thực hiện trong chủ đề.

Nội dung chính của mỗi chủ đề là Hoạt động giáo dục theo chủ đề được cấu trúc thành chuỗi hoạt động:

Khám phá – kết nối: bao gồm các hoạt động giúp HS nhớ lại kiến thức, kinh nghiệm đã có và hình thành kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm mới.

Thực hành: bao gồm các hoạt động giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm mới thông qua việc sử dụng chúng để giải quyết các nhiệm vụ thực hành trên lớp.

Vận dụng: bao gồm các hoạt động giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm mới vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình, nhà trường, cộng đồng.

Cuối mỗi chủ đề là phần Đánh giá. Dựa vào các tiêu chí trong phần này, các em HS sẽ tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề của bản thân theo hai mức: Đạt và Chưa đạt.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

- Nội dung SGK *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8* được thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho HS, đảm bảo tính chuẩn mực, khoa học, hiện đại, dễ tiếp cận trong quá trình tổ chức hoạt động. Ngôn ngữ được sử dụng trong sáng, rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với khả năng nhận thức của HS lớp 8, giúp GV và HS dễ sử dụng, dễ học.
- Các hoạt động được thiết kế theo chu trình học qua trải nghiệm vận dụng vào hoạt động giáo dục: Khám phá – Kết nối – Luyện tập/Thực hành – Vận dụng.
- Bám sát thực tiễn và thiết kế theo hướng mở nhằm tạo điều kiện cho GV và các trường tổ chức thực hiện *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* lớp 8 một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế; HS chủ động, tích cực thể hiện những hiểu biết, kinh nghiệm, sở thích, khả năng của bản thân, tham gia kiến tạo tri thức, kinh nghiệm mới và thực hành vận dụng tri thức mới, kinh nghiệm mới vào việc giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Qua đó, phát triển những năng lực chung, năng lực đặc thù và phẩm chất cần thiết cho bản thân.
- Kế thừa và phát triển: SGK được thiết kế trên cơ sở kế thừa và phát triển chương trình Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục hướng nghiệp của Chương trình GDPT 2006.
- Tích hợp với giáo dục kĩ năng sống và một số kĩ năng cần thiết đối với HS lớp 8; đảm bảo phát triển các năng lực đặc thù của hoạt động trải nghiệm: Năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp,...
- Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng, linh hoạt, thu hút được sự tham gia tích cực của HS.
- Hỗ trợ tốt cho GV và HS trong việc thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT “Quy định về đánh giá HS Trung học cơ sở và Trung học phổ thông”.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ



Tổng Chủ biên

PGS. TS Nguyễn Duy Quyết

- Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.
- Tổng Chủ biên SGK *Giáo dục thể chất 1, 2, 3, 6, 7, 10* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.



Chủ biên

PGS. TS Hồ Đắc Sơn

- Nguyên Trưởng khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên SGK *Giáo dục thể chất 1*, Chủ biên SGK *Giáo dục thể chất 2, 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXBGDVN).

Các tác giả

TS Vũ Tuấn Anh

- Trưởng khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Tác giả SGK *Giáo dục thể chất 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

TS Nguyễn Xuân Đoàn

- Phó Trưởng khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Tác giả SGK *Giáo dục thể chất 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

TS Nguyễn Thị Hà

- Giảng viên khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Tác giả SGK *Giáo dục thể chất 1, 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

PGS. TS Lê Trường Sơn Chấn Hải

- Nguyên Trưởng khoa Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Tác giả SGK *Giáo dục thể chất 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*), NXBGDVN.

ThS. Trần Mạnh Hùng

- Giáo viên môn Giáo dục thể chất Trường THPT chuyên Hà Nội – Amsterdam.

TS. Nguyễn Thành Trung

- Giảng viên khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Số trang: 96 trang; Khổ sách 19×26,5cm; Sách in 4 màu.

Phục vụ hoạt động dạy và học môn Giáo dục thể chất theo Chương trình GDPT (được Bộ GD&ĐT ban hành ngày 26/12/2018) của các nhà trường phổ thông.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

- Sách được cấu trúc gồm 3 phần: Kiến thức chung; Vận động cơ bản; Thể thao tự chọn.
- Mỗi phần được cấu trúc thành một hoặc nhiều chủ đề phù hợp với quy định về nội dung của chương trình.
- Mỗi chủ đề trình bày một loại hình kiến thức hoặc một môn thể thao có độ lớn kiến thức, kĩ năng được xác định phù hợp với thời lượng đã ấn định của chương trình, phù hợp với khả năng tiếp thu, năng lực vận động và trình độ thể lực của số đông HS.
- Mỗi chủ đề gồm một số bài học, được xác định tương ứng với hàm lượng nội dung và quỹ thời gian của chủ đề.
- Mục đích cấu trúc chủ đề:
 - + Tạo ra tính riêng biệt, tính trọn vẹn của từng nội dung môn học.
 - + Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà trường chủ động lựa chọn, sắp xếp thứ tự thực hiện nội dung chương trình phù hợp với điều kiện của địa phương.
 - + Đảm bảo tính hệ thống, tính thống nhất về nội dung, phương pháp trong mỗi giai đoạn dạy học; đảm bảo tính hiệu quả tác động của các bài tập dẫn dắt, bài tập bổ trợ được lựa chọn để giải quyết nhiệm vụ của các tiết học.
 - + Phát huy có hiệu quả mức độ “lưu dấu vết” của quá trình rèn luyện kĩ năng vận động.

CẤU TRÚC SÁCH VÀ PHÂN PHỐI THỜI LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT LỚP 8

TT	Phần	Chủ đề		Số tiết	
		Tên chủ đề	Số bài	Số tiết	Tỉ lệ
1	Kiến thức chung	<i>Chủ đề:</i> Sử dụng chế độ dinh dưỡng thích hợp với bản thân trong tập luyện thể dục thể thao	0	0	0

2	Vận động cơ bản	Chủ đề 1. Chạy cự li ngắn (100m)	3	9	12,85 %
		Chủ đề 2. Nhảy cao kiểu bước qua	4	14	20,00 %
		Chủ đề 3. Chạy cự li trung bình	3	9	12,85 %
		Chủ đề 4. Bài tập thể dục	3	7	10,00 %
3	Thể thao tự chọn	Chủ đề 1. Cầu lông	3	24 tiết/ 1 môn	34,30 %/ 1 môn
		Chủ đề 2. Bóng đá	3		
		Chủ đề 3. Bóng rổ	3		
Kiểm tra đánh giá				7	10,00 %
Tổng cộng				70	100,00%

3.2. Cấu trúc bài học

- Mỗi bài được cấu trúc gồm một số tiết học.
- Mỗi bài học chỉ bao gồm các nội dung thuộc một chủ đề. Không cụ thể hoá nội dung đến từng tiết học; không chi tiết hoá thời lượng cho từng hoạt động của tiết học.
- Nội dung mỗi bài được tổ chức thực hiện thông qua 4 hoạt động: khởi động, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng.
- Hoạt động luyện tập được tổ chức thực hiện thông qua 4 loại hình: cá nhân, cặp đôi, nhóm, cả lớp.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

4.1. Những điểm mới trong công tác giáo dục thể chất trường học theo Chương trình GDPT 2018

a. Về định hướng hoạt động dạy và học

- Dạy và học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS.
- Lấy HS làm trung tâm, thực hiện chuyển quá trình giáo dục thành tự giáo dục.
- GV là người thiết kế, tổ chức, cố vấn, trọng tài, hướng dẫn hoạt động luyện tập cho HS.
- Tạo môi trường thân thiện để khuyến khích HS tích cực tham gia các hoạt động luyện tập, tự mình trải nghiệm, tự phát triển bản thân và phát triển thể chất.

b. Về tổ chức hoạt động dạy và học

- Lần đầu tiên môn học giáo dục thể chất có SGK là một thuận lợi lớn đối với hoạt động dạy và học của thầy và trò.
- GV và nhà trường tự chủ trong xây dựng kế hoạch dạy học, đảm bảo cho tiến trình giáo dục thể chất được triển khai phù hợp với đặc điểm thể lực của HS, đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường và điều kiện khí hậu của vùng miền.
- Đồng thời giữa trực tiếp rèn luyện và phát triển các tố chất thể lực của HS với trang bị cho HS kiến thức và kỹ năng tự học, tự rèn luyện thân thể.

- HS được thực hành và trải nghiệm phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động luyện tập đối với từng bài tập vận động và môn thể thao.
- Hoạt động dạy và học được thực hiện theo chủ đề, đảm bảo cho quá trình hình thành kỹ năng vận động, phát triển các tố chất thể lực của HS được diễn ra phù hợp với các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất.
- HS đạt tiêu chuẩn đánh giá thể lực theo quy định của Bộ GD&ĐT được coi là một “yêu cầu cần đạt” cơ bản của Chương trình.

4.2. Điểm mới về nội dung sách

- Mức độ tiếp cận kiến thức hợp lý, vừa đáp ứng yêu cầu của Chương trình, vừa phù hợp với sức học của đa số HS ở tất cả các vùng miền.
- Đảm bảo sự hài hoà giữa hoạt động hình thành kiến thức, rèn kỹ năng với vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.
- Dễ sử dụng, phù hợp với hoạt động dạy học của GV, tự học của HS và phối hợp của phụ huynh HS.
- Có độ mở thích hợp, thuận tiện cho việc cập nhật thông tin và bổ sung kiến thức theo vùng miền.
- Chú trọng phát triển năng lực phối hợp vận động nhằm tăng cường và mở rộng vốn kỹ năng vận động, hình thành khả năng tiếp thu nhanh bài tập vận động mới.
- Phạm vi, loại hình bài tập vận động đảm bảo:
 - + Phù hợp với khả năng tiếp thu, trình độ thể lực của HS.
 - + Gắn gũi với hoạt động vận động của lứa tuổi, HS có thể sử dụng để vui chơi, luyện tập hằng ngày.
 - + Có tác dụng phát triển nhu cầu và sự nỗ lực trong học tập, rèn luyện của HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

TIN HỌC 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên



TS Nguyễn Chí Công

- Thành viên đồng sáng lập FPT; Nguyên Giám đốc Trung tâm Hệ thống Thông tin ISC, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
- Nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Vật liệu – Quang điện tử, Viện Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
- Nguyên Trưởng Tiểu Ban mạng của Chương trình quốc gia về công nghệ thông tin.
- Tham gia giảng dạy tại Viện Tin học Pháp ngữ IFI.
- Tổng Chủ biên SGK *Tin học 3, 6, 7* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXBGDVN).
- Tác giả một số sách nghiên cứu Tin học.

Chủ biên



ThS Hà Đăng Cao Tùng

- Nguyên Trưởng khoa Công nghệ thông tin – Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, nay là Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Chủ biên SGK *Tin học 6, 7*; tác giả SGK *Tin học 3* (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXBGDVN).
- Tác giả của một số tài liệu bồi dưỡng GV của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Các tác giả

ThS Phan Anh

- Chuyên ngành Công nghệ thông tin và Công nghệ giáo dục (Đại học Latrobe, Australia).
- 27 năm kinh nghiệm giảng dạy và quản lí giáo dục, am hiểu về các chương trình GDPT quốc tế.
- Kinh nghiệm biên soạn chương trình Tin học theo chuẩn quốc tế và đào tạo về ứng dụng công nghệ tin học trong các môn khoa học.

- Tác giả SGK Tin học 3, 7 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXBGDVN).

PGS.TS Nguyễn Hải Châu

- Giảng viên trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tác giả, đồng tác giả nhiều bài báo, công trình nghiên cứu, giáo trình trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin.

TS Hoàng Thị Mai

- Trưởng khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.
- Chủ biên SGK Tin học 3; tác giả SGK Tin học 6, 7 (Chương trình GDPT 2018, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXBGDVN).
- Tác giả SGK Tin học (Chương trình GDPT 2006).
- Tác giả nhiều sách tham khảo môn Tin học.

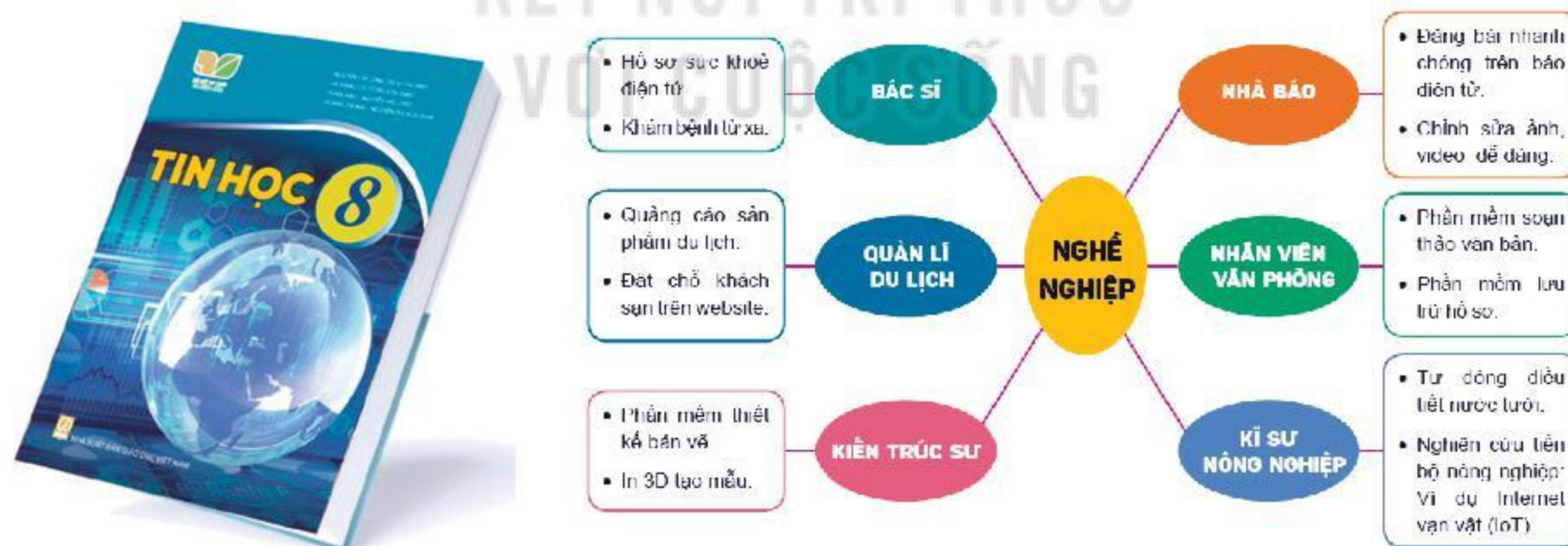
ThS Nguyễn Thị Hoài Nam

- GV trường Trung học Vinschool Times City.
- GV dạy giỏi cấp thành phố.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Số trang: 96; Khổ sách: 19 × 26,5 cm.

Sách được trình bày bốn màu, cân đối giữa kênh chữ và kênh hình. Nhiều hình ảnh, bảng và sơ đồ, giúp cho HS có được kênh thông tin trực quan, thuận lợi hơn trong việc tiếp thu tri thức và rèn luyện kỹ năng.



Hình 16.1. Ví dụ về ứng dụng tin học trong một số nghề nghiệp

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

SGK Tin học 8 gồm sáu chủ đề với 20 bài học, trừ Bài 4 (Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số) được thiết kế dạy 1 tiết, các bài còn lại đều được thiết kế

dạy trong 2 tiết. Trong đó, Bài 8a đến 11a và Bài 8b đến 11b là những bài của chủ đề con (lựa chọn) thuộc chủ đề Ứng dụng Tin học.

Theo yêu cầu của Chương trình, tùy theo tình hình thực tiễn, cơ sở giáo dục sẽ quyết định lựa chọn một trong hai chủ đề con để giảng dạy. Việc lựa chọn là linh hoạt, có thể thay đổi hằng năm. Như vậy, mỗi HS sẽ học 16 bài, 31 tiết bao gồm 17 tiết lí thuyết và 14 tiết thực hành (chiếm 40% tổng số tiết của chương trình). Danh sách các bài học theo chủ đề cụ thể như sau:

Chủ đề	Tên bài học	Số tiết
1. Máy tính và cộng đồng	Bài 1. Lược sử công cụ tính toán	2
2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	2
	Bài 3. Thực hành: Khai thác thông tin số	2
3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số	1
4. Ứng dụng Tin học	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	2
	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	2
	Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ	2
	Bài 8a. Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	2
	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	2
	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	2
	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu	2
	Bài 8b. Phần mềm chỉnh sửa ảnh	2
	Bài 9b. Thay đổi khung hình, kích thước ảnh	2
	Bài 10b. Thêm văn bản, tạo hiệu ứng cho ảnh	2
	Bài 11b. Thực hành tổng hợp	2
5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	2
	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	2
	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	2
	Bài 15. Gỡ lỗi	2
6. Hướng nghiệp với Tin học	Bài 16. Tin học với nghề nghiệp	2

3.2. Cấu trúc bài học

Các bài học trong SGK *Tin học 8* đều được xây dựng với cấu trúc thống nhất, bao gồm những mục sau đây:

- **Mục tiêu bài học** được đặt trong khung với câu dẫn “Sau bài học này em sẽ”, tiếp theo là những chỉ báo có thể quan sát được về khả năng HS đạt được mục tiêu bài học.
- **Phần khởi động** bài học, đặt ra những tình huống, gợi mở vấn đề, nhằm thu hút sự chú ý của HS vào nội dung bài học. Phần mở đầu định hướng vào vấn đề sẽ được giải quyết trong bài học và được trình bày dưới dạng đoạn hội thoại, đoạn văn mô tả hoặc trò chơi.
- **Phần nội dung** bài học được chia thành các mục, mỗi mục là một đơn vị kiến thức cần cung cấp cho HS. Mỗi mục bao gồm:
 - **Hoạt động** là sự kết nối giữa cuộc sống và kiến thức khoa học công nghệ. Đó là sự kết hợp của nội dung bài học và hình thức tổ chức lớp học tích cực, giúp cho HS chủ động hơn trong quá trình nhận thức.
 - **Kiến thức mới** được trình bày ngắn gọn, kèm theo hình minh họa để HS có thể đọc và tự mình khám phá kiến thức mới hoặc học tập với sự hướng dẫn của GV.
 - **Hộp kiến thức** chứa những phát biểu ngắn gọn, dễ ghi nhớ, giúp cho HS thuận tiện hơn trong việc ôn tập và củng cố năng lực của HS thông qua việc bổ sung những thuật ngữ mới.
 - **Câu hỏi** ngay sau nội dung kiến thức mới là những câu hỏi nhằm củng cố kiến thức và kiểm tra nhanh kiến thức vừa học.
- **Phần luyện tập** gồm những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng của bài học cho HS. Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập này có thể tìm thấy ngay trong bài học.
- **Phần vận dụng** gồm những câu hỏi, bài tập nhằm hình thành năng lực của HS thông qua sự kết hợp giữa nội dung bài học và kiến thức, kỹ năng đã được học từ trước hoặc được hình thành từ thực tiễn cuộc sống.

Như vậy, mỗi bài học trong SGK *Tin học 8* được tổ chức thành nhiều hoạt động nhỏ, mỗi hoạt động là một mô đun độc lập, nhưng chúng được kết nối với nhau theo logic nhận thức, phát huy sự năng động, tìm tòi của HS và tạo cơ hội để GV tổ chức cho HS những hoạt động theo phương pháp học tích cực mà vẫn kết hợp với những phương pháp dạy học truyền thống.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

Tinh thần chính của SGK *Tin học 8* là hỗ trợ để HS dễ học và GV dễ dạy. Từ chỗ HS dễ học, các em sẽ tự tin, tạo nên động lực để các em có thể làm chủ các tình huống ứng dụng và phát triển sản phẩm kỹ thuật số. Cụ thể là:

Cấu trúc các mục trong mỗi bài học của SGK *Tin học 8* tương hợp với các bước lên lớp. Điều đó hỗ trợ tích cực GV trong việc soạn bài và giúp HS theo dõi bài học thuận lợi.

- Bộ ba nhân vật An, Minh, Khoa xuyên suốt từ SGK *Tin học 3*, trưởng thành dần đến lớp 8, giới thiệu nội dung bài học với các bạn HS trong mục khởi động.
- Các hoạt động được gợi ý trong *Tin học 8* là cơ hội để HS được trao đổi tích cực, được hoạt động theo nhóm và tạo ra sản phẩm học tập, qua đó hình thành và phát triển năng lực qua các bài học.
- Thực hiện thông điệp kết nối cuộc sống, SGK *Tin học 8* lấy những tình huống xuất hiện trong thực tế cuộc sống làm chất liệu xây dựng các hoạt động dẫn dắt bài học.

Những nội dung ít hấp dẫn đối với HS như Lịch sử phát triển máy tính được SGK *Tin học 8* giải quyết bằng cách trình bày lịch sử dưới dạng những câu chuyện: sự ra đời của Pascaline là câu chuyện của chàng trai Blaise Pascal chưa đầy 20 tuổi, giúp đỡ cha trong việc tính thuế.

Tính liên kết nội môn giữa các chủ đề được giải quyết bằng những tình huống thực tế, xuyên qua nhiều chủ đề thông qua ví dụ về “chợ ứng dụng”, dự án thành lập câu lạc bộ Tin học,...

Tính liên môn, liên ngành là một điểm đáng chú ý của SGK *Tin học 8* trong khi giải quyết những yêu cầu cần đạt của chương trình. Ngữ liệu của các bài học nhằm cung cấp cho HS những kiến thức khoa học, cập nhật những tiến bộ công nghệ và giáo dục cho các em những vấn đề kinh tế, xã hội.

Ở chủ đề 5 (Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính), lần đầu tiên HS chính thức được học lập chương trình với máy tính.

SGK *Tin học 8* tiếp nối các bài học của những năm học trước, kể cho các em nghe câu chuyện về sự phát triển của các công cụ tính toán, chỉ cho các em biết sử dụng thông tin hiệu quả, hướng dẫn các em sử dụng các phần mềm, xử lý dữ liệu dạng số, dạng văn bản, dạng hình ảnh,... để các em có thể tạo ra những sản phẩm kĩ thuật số cho riêng mình và chia sẻ với người khác.

Cuốn sách là kết quả từ những nỗ lực không mệt mỏi của đội ngũ tác giả (gồm các chuyên gia, nhà giáo dục, GV), biên tập viên, họa sĩ có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết với sự nghiệp đổi mới giáo dục. Hi vọng rằng cuốn sách sẽ giúp các em HS yêu thích môn học và hỗ trợ tích cực các thầy cô giáo trong hoạt động dạy học.

CÔNG NGHỆ 8

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên



PGS.TS Lê Huy Hoàng

- Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục, Ban Tuyên giáo Trung ương, Nguyên Trưởng khoa Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Chủ biên Chương trình GDPT 2018 môn Công nghệ.
- Chủ trì nhiều đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, tác giả nhiều giáo trình đào tạo sinh viên Sư phạm kỹ thuật, sách bồi dưỡng GV môn Công nghệ và nghiên cứu khoa học.

Chủ biên

PGS.TS Đặng Văn Nghĩa



- Giảng viên cao cấp, Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Thành viên Ban Phát triển Chương trình GDPT 2018 môn Công nghệ.
- Chủ trì nhiều đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, tác giả nhiều giáo trình đào tạo sinh viên Sư phạm kỹ thuật, sách bồi dưỡng GV môn Công nghệ và nghiên cứu khoa học.

Các tác giả

PGS. TS Nguyễn Hồng Sơn

- Giảng viên cao cấp, Giám đốc Trung tâm Cơ khí, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
- Chủ trì nhiều nghiên cứu về chất lượng bề mặt nâng cao năng suất trong gia công cơ khí.
- Chủ trì nhiều nghiên cứu tối ưu chế độ cắt trong quá trình gia công cơ khí.

TS Phạm Văn Sơn

- Giảng viên chính, Trường Cơ khí, Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Phụ trách các hướng nghiên cứu về hình học ứng dụng trong công nghiệp, động lực học và độ bền máy, khai thác và phát triển các hệ CAD/CAM.
- Chủ trì các đề tài nghiên cứu về Hình học ứng dụng trong kỹ thuật, nghiên cứu xây dựng mô hình hình học 3 chiều ứng dụng trong đào tạo, mô phỏng áp lực, biến dạng, động lực học và chế tạo.

ThS Vũ Thị Ngọc Thúy

- Giảng viên, Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nhiều kinh nghiệm trong đào tạo sinh viên về lĩnh vực Công nghệ, Giáo dục STEM ở các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.
- Là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu bồi dưỡng, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách bổ trợ về giáo dục Công nghệ.

ThS Nguyễn Thanh Trịnh

- Nghiên cứu viên, Trung tâm Phát triển bền vững chất lượng GDPT Quốc gia, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Chuyên trách nghiên cứu lĩnh vực giáo dục công nghệ và hướng nghiệp phổ thông.
- Là chủ nhiệm, thành viên, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu bồi dưỡng, SGK, sách tham khảo, sách bổ trợ về giáo dục công nghệ, giáo dục hướng nghiệp và một số vấn đề giáo dục khác trong nhà trường phổ thông.

CN. Đặng Thị Thu Hà

- GV Trường trung học phổ thông chuyên Hà Nội – Amsterdam, Hà Nội.
- Nhiều kinh nghiệm trong dạy học về lĩnh vực Công nghệ, Giáo dục STEM ở các cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Sách dày 108 trang, khổ 19×26,5 cm. Sách in bốn màu.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

SGK Công nghệ 8 được cấu trúc thành năm chương:

Chương I. Vẽ kỹ thuật

Chương II. Cơ khí

Chương III. An toàn điện

Chương IV. Kỹ thuật điện

Chương V. Thiết kế kỹ thuật

Trong mỗi chương có các bài học, ngoài ra chương II và chương V còn có các dự án học tập.

3.2. Cấu trúc bài học

Bài học trong SGK là sự kết hợp hài hoà của Học liệu và Hoạt động. Học liệu phản ánh nội dung của chủ đề bài học. Hoạt động thể hiện tư tưởng sư phạm phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong bài học.

Các nội dung bổ trợ, các hoạt động trong mỗi bài học, dự án học tập được thể hiện dưới dạng các hộp chức năng. SGK Công nghệ 8 có 7 loại hộp chức năng:

Khởi động: Hoạt động khởi động tạo tâm thế trước khi vào học.

Khám phá: Hoạt động học tập dựa trên học liệu trong sách, kết nối với thực tiễn ở cấp độ liên hệ nhằm kiến tạo tri thức.

Luyện tập: Trả lời các câu hỏi, thực hiện các bài tập liên quan tới kiến thức mới của bài học nhằm phát triển kĩ năng nhận thức, khắc sâu kiến thức bài học.

Thực hành: Hoạt động nhận biết, thao tác với vật liệu, dụng cụ, sản phẩm công nghệ nhằm kết nối lí thuyết với thực tế, hình thành và phát triển kĩ năng thao tác.

Vận dụng: Hoạt động thực hiện nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn góp phần hình thành và phát triển năng lực đặc thù, kết nối bài học với thực tiễn ở cấp độ hành động.

Kết nối nghề nghiệp: Giới thiệu về nghề nghiệp có liên quan tới nội dung học tập có vai trò định hướng lựa chọn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

Thông tin bổ sung: Thông tin bổ ích, thú vị và hấp dẫn liên quan tới nội dung học tập nhằm bổ sung, mở rộng so với yêu cầu của bài học.

Ngoài ra, ở cuối mỗi chương đều có bài **Ôn tập chương:** Sơ đồ hoá nội dung kiến thức và bài tập tổng hợp, giúp HS hệ thống hoá tri thức đã học và vận dụng chúng để giải quyết những bài tập phức hợp liên quan đến kiến thức và kĩ năng của toàn chương.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

Các nội dung trình bày trong SGK Công nghệ 8 đều được lựa chọn sao cho thiết thực và gắn gũi với cuộc sống. HS được phát triển các năng lực công nghệ và những phẩm chất đặc thù trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ để học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường, xã hội; đồng thời cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác, góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung; thực hiện các nội dung xuyên chương trình như phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tài chính,... SGK Công nghệ 8 có những điểm mới nổi bật sau:

- SGK Công nghệ 8 được biên soạn dựa trên quan điểm NHẸ NHÀNG – HẤP DẪN – THIẾT THỰC, hướng tới phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung cốt lõi và năng lực công nghệ đã nêu trong Chương trình GDPT 2018.
- Bài học trong sách giáo khoa có cấu trúc hiện đại, là sự kết hợp hài hoà của kênh HỌC LIỆU và kênh HOẠT ĐỘNG. Kênh học liệu phản ánh nội dung của chủ đề bài học. Kênh hoạt động thể hiện tư tưởng sư phạm phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong bài học và được thể hiện thông qua các hộp chức năng.

- Nội dung bài học đảm bảo tính cơ bản và cập nhật, gắn với thực tiễn, được trình bày sinh động và đẹp mắt với sự kết hợp hài hoà của kênh chữ, kênh hình cùng hộp chức năng thông tin bổ sung.
- Các hộp chức năng khám phá, thực hành, vận dụng, kết nối nghề nghiệp trong SGK *Công nghệ 8* giúp HS tự học thuận lợi và hiệu quả hơn; giúp cho GV dễ dàng thiết kế các hoạt động dẫn nhập, hình thành kiến thức, thực hành, vận dụng và tìm tòi mở rộng. Đây là những hoạt động học tập đặc trưng của bài dạy phát triển phẩm chất, năng lực.
- SGK *Công nghệ 8* thể hiện đầy đủ quan điểm giáo dục tích hợp qua việc lồng ghép nội dung giáo dục tài chính, giáo dục hướng nghiệp, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giáo dục biến đổi khí hậu và phát triển bền vững,... trong mỗi bài học, dự án học tập.
- SGK *Công nghệ 8* còn có các dự án học tập giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện một nhiệm vụ phức hợp, có tính thực tiễn. Qua đó, kết nối bài học với thực tiễn, góp phần phát triển năng lực, phẩm chất cho người học. Dự án học tập được trình bày thống nhất, bao gồm các nội dung: nhiệm vụ, tiến trình thực hiện, đánh giá, thông tin bổ trợ.
- SGK *Công nghệ 8* có các hoạt động kết nối nghề nghiệp hấp dẫn, bổ ích với các hoạt động tìm hiểu sở thích và khả năng của HS trong lĩnh vực cơ khí và Kỹ thuật điện, thuận lợi cho GV tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho HS.

SGK *Công nghệ 8* được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS, từ cách gắn kết kiến thức với thực tiễn đến cách tổ chức hoạt động học của các em HS,... Nội dung các bài học trong sách tạo thuận lợi cho HS tự khám phá để tìm hiểu và vận dụng kiến thức. Các hoạt động luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận,... ở trên lớp khuyến khích HS tích cực, tự lực, chủ động, sáng tạo. Hệ thống câu hỏi, bài tập, hoạt động,... trong các bài học tập trung vào đánh giá kĩ năng thực hành và vận dụng kiến thức vào nhận thức và thực tiễn của HS.

TIẾNG ANH 8 – GLOBAL SUCCESS

1. ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ



Tổng Chủ biên

GS.TS Hoàng Văn Vân

- Từng công tác tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.



Chủ biên

ThS Lương Quỳnh Trang

- Công tác tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Các tác giả

ThS Nguyễn Thị Chi

- Công tác tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ThS Lê Kim Dung

- Công tác tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

TS Nguyễn Thuỵ Phương Lan

- Công tác tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ThS Phan Chí Nghĩa

- Công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An.

ThS Trần Thị Hiếu Thủy

- Công tác tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. HÌNH THỨC SÁCH

Số trang: 140 trang; Khổ sách: 20 x 28 cm.

3. NỘI DUNG

3.1. Cấu trúc sách

- *Tiếng Anh 8 – Global Success* đảm bảo cung cấp kiến thức ngôn ngữ và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo đúng yêu cầu của Chương trình.

- SGK *Tiếng Anh 8 – Global Success* có 12 đơn vị bài học, xoay quanh 4 chủ điểm quy định và 4 bài ôn tập (review), được thiết kế cho việc dạy học 3 tiết/1 tuần và 105 tiết trong cả năm học.

3.2. Cấu trúc bài học

Mỗi đơn vị bài học được thiết kế thành 7 bài học (lesson) với mục tiêu rõ ràng để GV triển khai, bao gồm:

- *Getting started*: dạy trong 1 tiết, giới thiệu chủ đề, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của cả bài.
- *A closer look 1*: dạy trong 1 tiết, tập trung vào từ vựng và ngữ âm.
- *A closer look 2*: dạy trong 1 tiết, tập trung vào ngữ pháp.
- *Communication*: dạy trong 1 tiết, giới thiệu và luyện tập các chức năng ngôn ngữ cũng như phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua giới thiệu văn hoá, truyền thống,... của Việt Nam và các nước trên thế giới.
- *Skills 1*: dạy trong 1 tiết, tập trung vào kỹ năng đọc và nói.
- *Skills 2*: dạy trong 1 tiết, tập trung vào kỹ năng nghe và viết.
- *Looking back*: dạy trong 1 tiết nhằm ôn tập toàn bài. Điểm nổi bật của phần này là bao gồm phần dự án *Project*. Học sinh làm việc đôi hoặc theo nhóm để thực hiện một dự án liên quan đến chủ đề của bài. Các dự án này tiếp nối hệ thống dự án trong bộ SGK *Tiếng Anh – Global Success* từ lớp 1 đến lớp 12 của NXBGDVN.

4. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT, ĐIỂM MỚI

- *Tiếng Anh 8 – Global Success* bám sát Chương trình GDPT môn Tiếng Anh năm 2018, được thiết kế để phù hợp với việc giảng dạy đại trà. Nội dung các đơn vị bài học, ngữ liệu, hoạt động được thay thế, khác biệt so với bộ sách *Tiếng Anh 8* thí điểm.
- Các thay đổi cụ thể là:
 - Giảm độ khó tổng thể để phù hợp với chương trình và phù hợp với điều kiện giảng dạy đại trà:
 - + Mỗi bài học (lesson): chỉ gồm 4 – 5 hoạt động, đa số mỗi hoạt động chỉ gồm 5 câu hỏi.
 - + *Getting started*: ngoài phần đọc và nghe đoạn hội thoại, chỉ để 4 hoạt động, làm cho phần này thực sự là phần giới thiệu nhẹ nhàng, vui vẻ.
 - + *Looking back*: bỏ bài *Communication*, cắt ngắn câu hỏi để dành thời gian cho phần *Project*.
 - Chỉnh sửa nội dung ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cho khớp với Chương trình mới:
 - + Ngữ âm: điều chỉnh một số cặp âm và sắp xếp lại một số nội dung ngữ âm cho hợp lý hơn.

- + Từ vựng: giảm các từ vựng ở mức độ cao, lựa chọn các từ vựng cùng chủ đề nhưng ở mức độ phù hợp với chương trình.
- + Ngữ pháp: đa số các đơn vị bài học chỉ tập trung giới thiệu một hiện tượng ngữ pháp quan trọng. Không học dồn 2 – 3 hiện tượng ngữ pháp như sách thí điểm. Các hiện tượng ngữ pháp được chọn lọc theo chương trình và sắp xếp cho hợp lí.
- Phần kĩ năng:
 - + Giảm tải các bài tập ngữ pháp.
 - + Thay thế bằng các hoạt động phát triển kĩ năng giao tiếp và vận dụng ngôn ngữ.
- Bổ sung phần Everyday English và nội dung tích hợp kiến thức văn hoá vào bài Communication.
- Những điểm nổi bật của SGK *Tiếng Anh – Global Success*:
 - + Dễ học – Dễ dạy – Dễ tiếp cận.
 - + Phù hợp giảng dạy đại trà.
 - + Lộ trình học tập xuyên suốt.
 - + Tích hợp liên môn.
 - + Phát triển toàn diện kiến thức kĩ năng.
 - + Đảm bảo đáp ứng các kì thi.
 - + Hệ sinh thái tài nguyên đa dạng – phong phú – cập nhật.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM VĂN HANH – LƯU QUỐC HÀ – NÔNG THỊ HUỆ

PHẠM THỊ THANH NAM – VŨ THỊ THANH TÂM

HOÀNG THỊ THANH – ĐỖ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN TẤT THẮNG – NGUYỄN THỊ HOÀI THU

ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG – THÂN THUYỀN TRANG

PHẠM VĂN TRỌNG

Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Sửa bản in: THÂN THUYỀN TRANG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20.....

Mã số ISBN:



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG